

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỜI
THÀNH LẬP NĂM 2000 THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 41/2000/QĐ – TTG
NGÀY 28 THÁNG 03 NĂM 2000 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

PHÁT HÀNH THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thời
Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá : 10.000 đồng
Tổng số lượng cổ phiếu phát hành : 4.117.310 cổ phần
Tổng giá trị mệnh giá phát hành : 41.173.100.000 đồng

- Tổ chức tư vấn phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐỆ NHẤT (FSC)

Trụ sở : 09 Hoàng văn Thụ, Khu Chánh Nghĩa, Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại : 0650.832614~15, 833280 Fax : 0650.832616

Chi nhánh tại TP.HCM:

Địa chỉ: 208 D-E Hùng Vương, P.15, Q. 05, TP.HCM

Điện thoại: 08.9554938~39, 9554941 Fax : 08.9554940

E-mail : ctydenhat@hcm.vnn.vn Http: [//www.fsc.com.vn](http://www.fsc.com.vn)

- Tổ chức kiểm toán

Công ty Cổ phần Kiểm toán và Tư vấn (A&C):

Địa chỉ : 229 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.8272295 Fax: 08.8272300

I. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung bản cáo bạch

I.1. Tổ chức phát hành

Ông Nguyễn Hùng Chức vụ : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Bà Huỳnh Thị Thanh Hà Chức vụ : Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

I.2. Tổ chức tư vấn

Ông Trần Thiện Thế Chức vụ : Tổng giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin phép phát hành phát hành thêm cổ phiếu do Công ty chứng khoán Đệ Nhất tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng hoàn toàn dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới cung cấp.

II. Các khái niệm

- UBCKNN : ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- Nghị định 144 : Nghị định số 144/2003/NĐ-CP ban hành ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán
- TTGDCK : Trung tâm Giao dịch Chứng khoán
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng Cổ đông
- HĐQT : Hội đồng Quản trị Công ty
- 620 – CCC : Tên tiếng Anh được viết tắt của Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới (620 – Chau Thoi Concrete Corporation)
- Tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới
- ĐKKD : Đăng ký kinh doanh
- Công ty : Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới
- BTCT : Bê tông cốt thép

III. Tình hình và đặc điểm của tổ chức phát hành

1 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Được thành lập từ năm 1958 bởi tập đoàn xây dựng RMK của Mỹ với tên gọi ban đầu “Công trường đúc đà Bê tông tiền áp Châu Thới”, sản phẩm của Công trường lúc bấy giờ chỉ bao gồm các loại dầm cầu nhằm cung cấp cho các công trình thi công cầu đường tại các tỉnh miền Nam trước đây mà RMK trúng thầu thi công.
- Sau năm 1975, được Nhà nước tiếp quản và sáp nhập vào Phân Cục Quản lý Đường bộ Miền Nam theo Văn bản số 761/QĐ-TC ngày 06/08/1976 của Bộ Giao thông Vận tải với tên gọi Xưởng Bê tông Châu Thới trực thuộc Phân cục Quản lý đường bộ Miền Nam – Cục Quản lý đường bộ.
- Ngày 15/03/1977, Bộ Giao thông Vận tải ra Quyết định số 755/QĐ-TC đổi tên Xưởng Bê tông thành Nhà máy Bê tông trực thuộc Phân Cục Quản lý Đường bộ miền Nam – Cục Quản lý đường bộ.

- Ngày 17 tháng 05 năm 1993 Bộ Giao thông Vận tải có Quyết định số 942/QĐ/TCCB-LĐ về việc thành lập Công ty Bê tông 620 (doanh nghiệp Nhà nước) trực thuộc Tổng công ty Xây dựng Công trình 6 (CIENCO 6) thuộc Bộ Giao Thông Vận Tải.
- Đến ngày 28 tháng 03 năm 2000 Công ty chuyển sang hình thức công ty cổ phần theo Quyết định số 41/2000/QĐ – TTG ngày 28 tháng 03 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ với tên gọi là Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới.
- Ngày 29 tháng 11 năm 2000, Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất được tổ chức và sau đó Công ty đã tiến hành đăng ký kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 05/01/2001. Từ đây, Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần.
- Sản phẩm dịch vụ của Công ty trong những năm gần đây được mở rộng rất nhiều so với ban đầu khi thành lập và ngày càng phong phú đa dạng hơn: Từ việc sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, gia công các sản phẩm cơ khí cho đến trực tiếp thi công xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, bến cảng, công nghiệp, vận chuyển sản phẩm đến địa điểm thi công và kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật liệu xây dựng, cung cấp và vận chuyển các loại bê tông tươi, bê tông siêu trường, siêu trọng..vv....hiện công ty đã nghiên cứu và sản xuất bản sàn rỗng, cọc ván bê tông tiền áp và bê tông nhẹ, đây là những sản phẩm đầu tiên xuất hiện trên thị trường với những tính năng ưu việt hơn, đáp ứng nhu cầu tốt hơn trong việc xây dựng công trình dân dụng, cao ốc văn phòng.

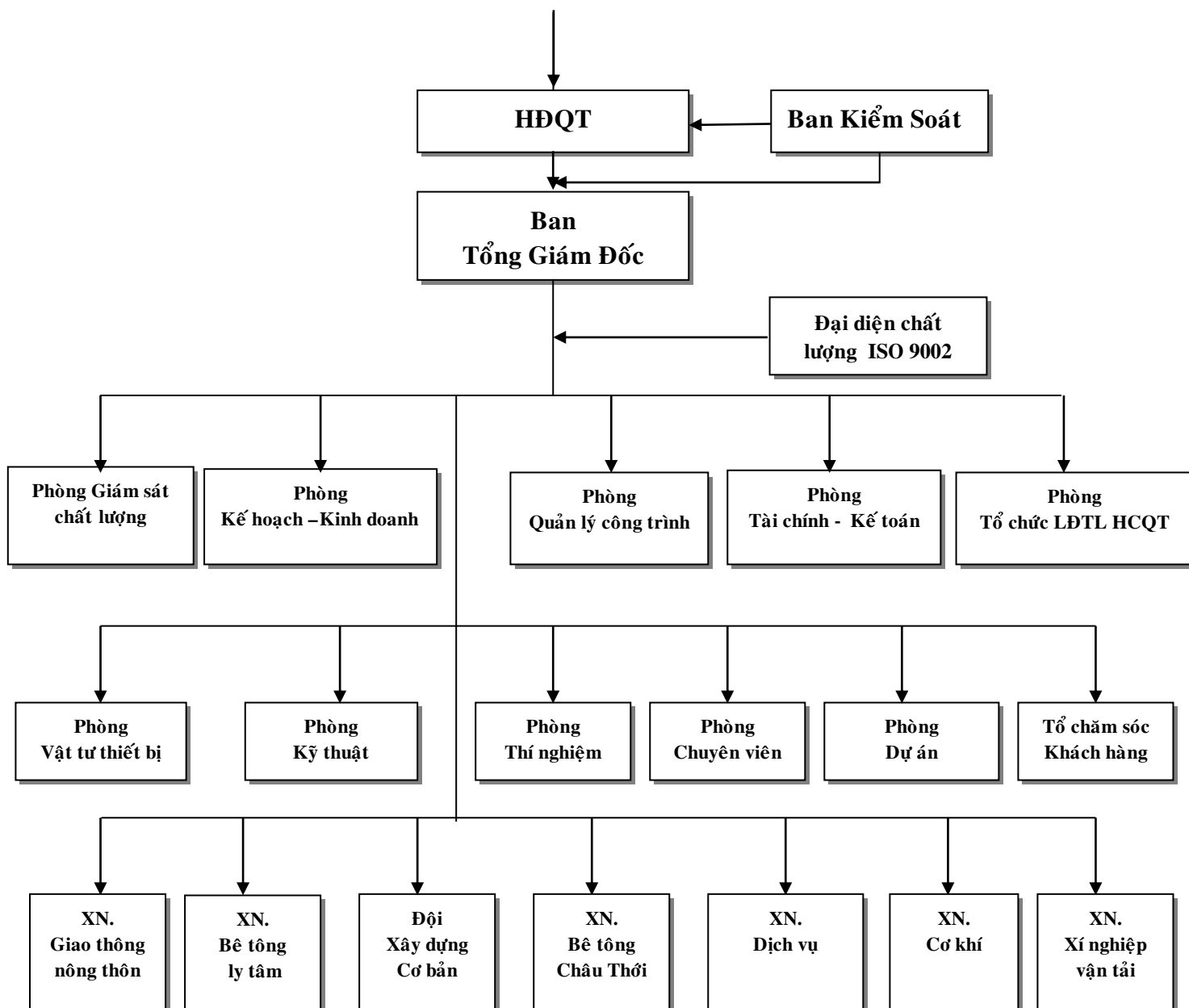
Những công trình trong lĩnh vực xây dựng cơ bản mà Công ty đã, đang thực hiện:

- + Cầu Mỹ Thuận: Công ty Bê tông 620 là nhà thầu phụ của Công Ty Xây Dựng công trình Baulderstone Hornibrook Engineering Pty Ltd (BHE) của Úc trong việc xây dựng công trình cầu Mỹ Thuận – một trong những cầu cáp treo hiện đại nhất, lớn nhất Việt Nam.
- + Công ty đã tiến hành thi công xây lắp nhiều công trình khác như: cầu Bà Chiêm (TP. HCM) với giá trị hơn 16 tỷ đồng; cầu Thủ Thừa (Long An) với giá trị hơn 10.5 tỷ đồng; cầu Hùng Vương (Tiền Giang); cầu Mỹ An (Bến Tre); cầu Hòa Cầm (Đà Nẵng) và thi công hầm đường bộ Hải Vân (phía bắc công trình), cung cấp bê tông tươi cho công trình cầu Cần Thơ 74 tỷ đồng, công trình cầu Rạch Miễu tham gia thi công 123 tỷ đồng, dự án đường cao tốc Sài Gòn Trung Lương với tổng giá trị hợp đồng 522 tỷ đồng .v.v.....v.v..
- + Ngoài ra, công ty đang tiếp xúc để tìm cơ hội việc làm trong một số công trình lớn: Công trình cầu Phú Mỹ nối TP. Hồ Chí Minh với Huyện Long Thành (Đồng Nai) với tổng giá trị hơn 1.750 tỷ đồng (trong đó công ty tham gia liên doanh 90 tỷ đồng); tiếp tục đàm phán ký kết hợp đồng cung cấp bê tông đầm và bê tông cọc cho công trình cầu Cần Thơ.

2 Cơ cấu tổ chức công ty

Cơ cấu tổ chức Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới

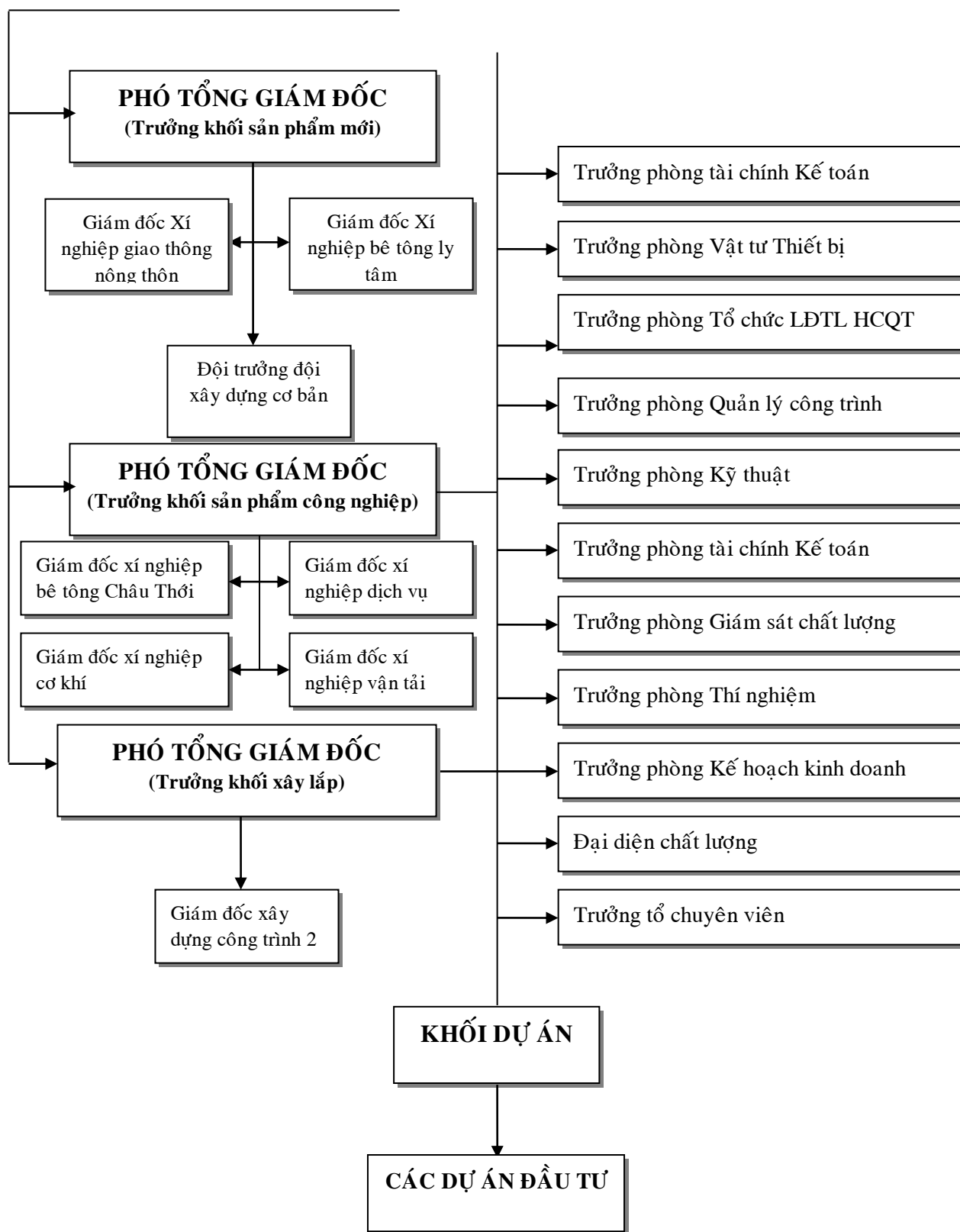
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



- Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới là một đơn vị hạch toán độc lập, tự chịu trách nhiệm hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi số vốn góp, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, hoạt động vì lợi ích Công ty, vì cổ đông – những người đầu tư vào Công ty.
- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết (quyền hạn và trách nhiệm được ghi rõ trong Điều lệ Công ty).
- HDQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty (theo Điều lệ Công ty quy định).
- Ban Kiểm soát thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty.
- Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc Công ty (quyền hạn và trách nhiệm được ghi rõ trong Điều lệ Công ty).
- Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới





- Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý công ty hiện nay bao gồm 9 phòng nghiệp vụ và hai tổ : Tổ đại diện chất lượng ISO 9001: 2000 và Tổ dự án do trực tiếp Tổng giám đốc chỉ đạo.

- Với cơ cấu tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh hiện nay được chia ra thành 03 khối: Khối sản phẩm công nghiệp; Khối xây lắp; Khối sản phẩm mới. Mỗi khối sản xuất kinh doanh do 01 Phó Tổng giám đốc trực tiếp phụ trách.

3 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty:

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tính đến ngày 10/05/2006:

STT	Tên	Địa chỉ	Số CP	%	Ghi chú
1	Cổ đông Nhà nước	127 Đinh Tiên Hoàng, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	1.821.400	30,96%	
2	Amersham Industries Ltd.	1091 Melinh Point, Q.1, TP.HCM	422.870	7,19%	
3	PXP Vietnam Fund Ltd.	Lầu 3, Jardine House, 58 Đồng Khởi, Q.1, TP.HCM	423.140	7,19%	
4	Wareham Group Ltd.	Room 1901, Melinh Point, Q.1, TP.HCM	1.514.180	25,74%	

- Danh sách cổ đông chủ chốt và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tính đến ngày 10/05/2006:

ST T	Tên	Địa chỉ	Số CP	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
Danh sách Hội đồng quản trị					
1	Nguyễn Hùng	418/2B Nguyễn Kiệm, F.3, Q. Phú Nhuận, TP.HCM	1.821.400	30,96%	Đại diện Cienco 6
2	Trần Khắc Lợi	42/4 Cô Bắc, H. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	1.550	0,026%	
3	Huỳnh Thị Thanh Hà	478 Hai Bà Trưng, F. Đa Kao, Q.1, TP.HCM	1.050	0,018%	
4	Khương Thị Thanh	117/11 Xô Viết Nghệ Tĩnh, F.17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	2.450	0,042%	
5	Đặng Trung Thành	6B Tú Xương, F.6, Q.3, TP.HCM	5.000	0,085%	
6	Nguyễn Băng Tâm	433/14 Bình Quới, F.28, Bình Thạnh, TP.HCM	3.000	0,051%	
7	Vũ Hữu Điền	45/54 Nguyễn Văn Đậu, F.6, Bình Thạnh, TP.HCM	1.514.180	25,74%	Đại diện của Wareham Group Ltd.
Ban kiểm soát					
1	Diệp Vĩnh Bình	301 Block 1, chung cư Mỹ			

		Phước, Bùi Hữu Nghĩa, Bình Thạnh, TP.HCM			
2	Nguyễn Thanh Hải	211/6 Nguyễn Văn Lượng, F.17, Gò Vấp, TP.HCM	3.400	0,058%	
3	Huỳnh Vĩnh Thành	17/9 Ấp 1, Định Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương			
Ban giám đốc điều hành					
1	Nguyễn Hùng	418/2B Nguyễn Kiệm, F.3, Q. Phú Nhuận, TP.HCM			
2	Trần Khắc Lợi	42/4 Cô Bắc, H. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	1.550	0,026%	
3	Hà Thanh Mẫn	36B Bùi Minh Trực, F.6, Q.8, TP.HCM	2.000	0,034%	
4	Phạm Đình Nhật Kỳ	260 Hòa Hưng, F.13, Q.3, TP.HCM			
Kế toán trưởng					
1	Huỳnh Thị Thanh Hà	478 Hai Bà Trưng, F. Đa Kao, Q.1, TP.HCM	1.050		

4 Những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

Tên đơn vị	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Giá trị tham gia (triệu đồng)	Tỷ lệ tham gia	Đã tham gia (triệu đồng)	Hình thức
1. Công ty TNHH Cảng Bình Minh	20.594	10.297	50%	8.127	Góp vốn
2. Công ty CP xây dựng Bê tông 620 – Bình Minh	25.000	10.000	40%	11.266	Góp vốn
3. Công ty CP BOT phà Ngũ Hiệp – Tiền Giang	1.500	750	50%	662	Góp vốn
4. Công ty BOT cầu Phú Cường	12.000	3.600	30%	2.482	Góp vốn
5. Công ty CP xây dựng Bê tông 620 – Bến Tre	1.113,8	500	44,89%	600	Góp vốn
6. Công ty CP Bê tông ly tâm 620	33.000	15.000	45,45%		Góp vốn
7. Công ty CP Bê tông 620 – Long An	42.000	16.000	38,10%		Góp vốn
Tổng cộng		56.147		23.137	

5 Hoạt động kinh doanh

5.1 Giá trị sản phẩm, dịch vụ chính

Chỉ tiêu	Năm 2004		Năm 2005	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu sản phẩm bê tông	184,2	65,60	264,4	63,30
2. Doanh thu xây dựng công trình	87,3	31,10	142,0	33,99
3. Doanh thu đóng ép cọc	4,0	1,42	5,4	1,30
4. Doanh thu vận chuyển lao phóng	4,2	1,50	4,6	1,10
5. Doanh thu các hàng hóa khác	1,1	0,38	1,4	0,31
Tổng doanh thu	280,8	100	417,8	100
Lợi nhuận sau thuế	19,193		20,187	

5.2 Nguyên vật liệu:

Hầu hết tất cả các loại nguyên vật liệu đều được sản xuất trong nước: do Công ty đã thực hiện hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2000 nên tất cả các nhà cung cấp nguyên vật liệu phục vụ cho quá trình sản xuất, thi công đều phải được Hội đồng (bao gồm lãnh đạo Công ty; Phòng Thí nghiệm; Phòng Giám sát chất lượng; Phòng kỹ thuật và Phòng Kế hoạch kinh doanh) đánh giá và chấp thuận trước khi cung cấp.

Những nhà cung cấp nguyên vật liệu lớn và thường xuyên của Công ty:

Nguyên vật liệu	Đơn vị cung cấp	Ghi chú
Xi măng	Công ty liên doanh Ximăng Holcim Việt Nam	
Cát	Lương Ngọc Liêm	
Đá	Công ty Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	
Cáp	The Siam Industrial Wire Co.Ltd	
Sắt gai các loại	Công ty CP đầu tư thương mại SMC	
Xăng, dầu	XN tư doanh cơ khí xuất khẩu Kiến Tường	

Tất cả các nhà cung cấp trên đã cung cấp ổn định, thường xuyên cho Công ty từ năm 1998 đến nay và rất có uy tín trên thị trường.

- Ảnh hưởng của sự biến động giá cả nguyên vật liệu đến giá thành, doanh thu, lợi nhuận:
 - ✓ Nguyên vật liệu chính tăng giá trong 2 năm gần đây (2004, 2005) làm ảnh hưởng rất nhiều đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Mặc dù doanh thu tăng cao trong các năm, nhưng tỷ lệ lợi nhuận không tăng do ảnh hưởng giá cả nguyên vật liệu làm cho giá thành sản phẩm tăng cao, trong khi đó giá bán không tăng theo kịp với tốc độ tăng của giá nguyên vật liệu.
 - ✓ Ngày càng có nhiều công ty trong ngành cạnh tranh giá bán, chất lượng sản phẩm,... đòi hỏi công ty cần phải cải tiến kỹ thuật, mở rộng ngành nghề, đa dạng hóa sản phẩm... đồng thời giảm giá thành sản phẩm để đảm bảo lợi nhuận kinh doanh.

5.3 Chi phí sản xuất kinh doanh:

Yếu tố chi phí	Năm 2004		Năm 2005	
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)
Giá vốn hàng bán:	245.462.786.974	87,40%	373.162.524.909	89,30%
- Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	156.265.719.502	63,66%	232.797.982.415	62,38%
- Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	1.018.240.906	0,41%	1.202.580.243	0,32%
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	88.178.826.566	35,93%	139.161.962.251	37,30%
Chi phí bán hàng	88.587.000	0,03%	12.240.546	0,003%
Chi phí hoạt động tài chính	7.668.313.042	2,73%	8.786.221.721	2,10%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.025.008.029	3,21%	12.523.436.289	3,00%
Chi phí khác	91.977.894	0,03%	1.538.045.434	0,37%
Tổng cộng	262.336.672.939	93,40%	396.022.468.899	94,80%

(Tỷ trọng (%) các yếu tố chi phí trong tổng doanh thu thuần hàng năm của công ty)

5.4 Trình độ công nghệ

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, để có khả năng cạnh tốt hơn với sản phẩm cùng loại trên thị trường hiện nay, yêu cầu đổi mới công nghệ theo hướng hiện đại thông qua chuyển giao công nghệ và thông qua công tác nghiên cứu và ứng dụng vào thực tế nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm không những đúng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2000 mà còn vượt trội hơn với những sản phẩm cùng loại trên thị trường. Từ thực tế yêu cầu, công ty đã áp dụng những công nghệ sản xuất khác nhau cho những loại sản phẩm khác nhau được tóm lược như sau:

- Đối với những sản phẩm bê tông cốt thép dự ứng lực được sản xuất theo công nghệ căng ứng suất trước như: dầm bê tông cốt thép ứng suất trước; cọc ứng suất trước; cọc ván bê tông cốt thép ứng suất trước.....
- Đối với cọc ống: theo phương pháp quay ly tâm kết hợp ứng suất trước.
- Đối với cọc rỗng, panel rỗng: sản xuất theo công nghệ thảm bê tông bằng máy
- Đối với dầm bê tông cốt thép dự ứng lực: đúc theo phương pháp căng kéo sau.
- Ngoài ra, đối với những sản phẩm thông thường được thực hiện theo phương pháp truyền thống của công ty.

Cụ thể:

- Dầm BTCT dự ứng lực: I33m, I24,54m, T18,6 cải tiến, T12.5 cải tiến, I bản 12m, T bản 9m, T bản 6m, T đôi 10m, I 500-15m, I 400-12m, I 400-9m, I 650-18m, I 280-9m, I 200-6m.
- Cọc BTCT dự ứng lực: Cọc (200x200), cọc (250x250), cọc (300x300), cọc (350x350), cọc (400x400), cọc (500x500).
- Cọc BTCT thường: Cọc (200x200) L=6-8m; cọc (250x250) L=6m-11m, cọc (300x300) L=6m-11m, cọc (350x350) L=6m-11m, cọc (400x400), cọc (500x500).
- Cọc ván BTCT DUL: W120 đến W12000. Hiện Công ty chỉ đúc đến sản phẩm W600 L=18m.
- Cọc rỗng, panel rỗng: Cọc (250x250) L=6m-11m, đan rỗng H150 L=8m, H300 L=10m.
- Cọc ống BTCT DUL: Φ300 L<12m, Φ400 và Φ500 L<18m, Φ600 L<20m, Φ700 L<22m.

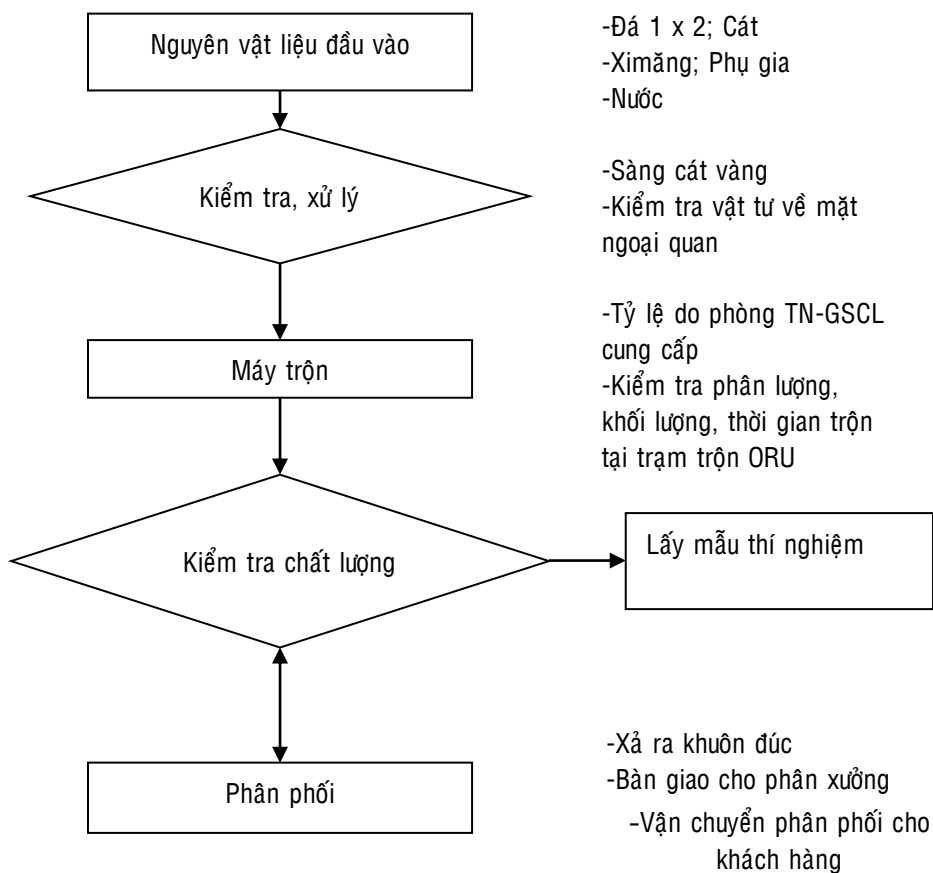
Với những công nghệ khác nhau cho từng loại sản phẩm khác nhau, cho thấy ưu thế vượt trội về cạnh tranh của công ty đối với những đơn vị cùng ngành nghề. Ngoài ra, do công ty chuyên về làm bê tông các loại nên đã tận dụng tối đa công nghệ hiện có để tạo ra những sản phẩm mang

tính đặc thù riêng có của Bê tông 620 – Châu Thới. Không dừng lại đó, công ty luôn tìm kiếm công nghệ mới để áp dụng vào thực tế của các công trình mang tính đặc thù như nhà ga sân bay, cầu cảng đạt tiêu chuẩn quốc tế và nhiều công trình khác.

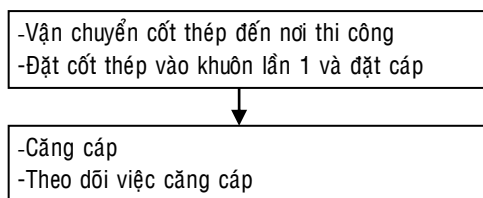
5.5 Quy trình và dây chuyền sản xuất một số sản phẩm chính:

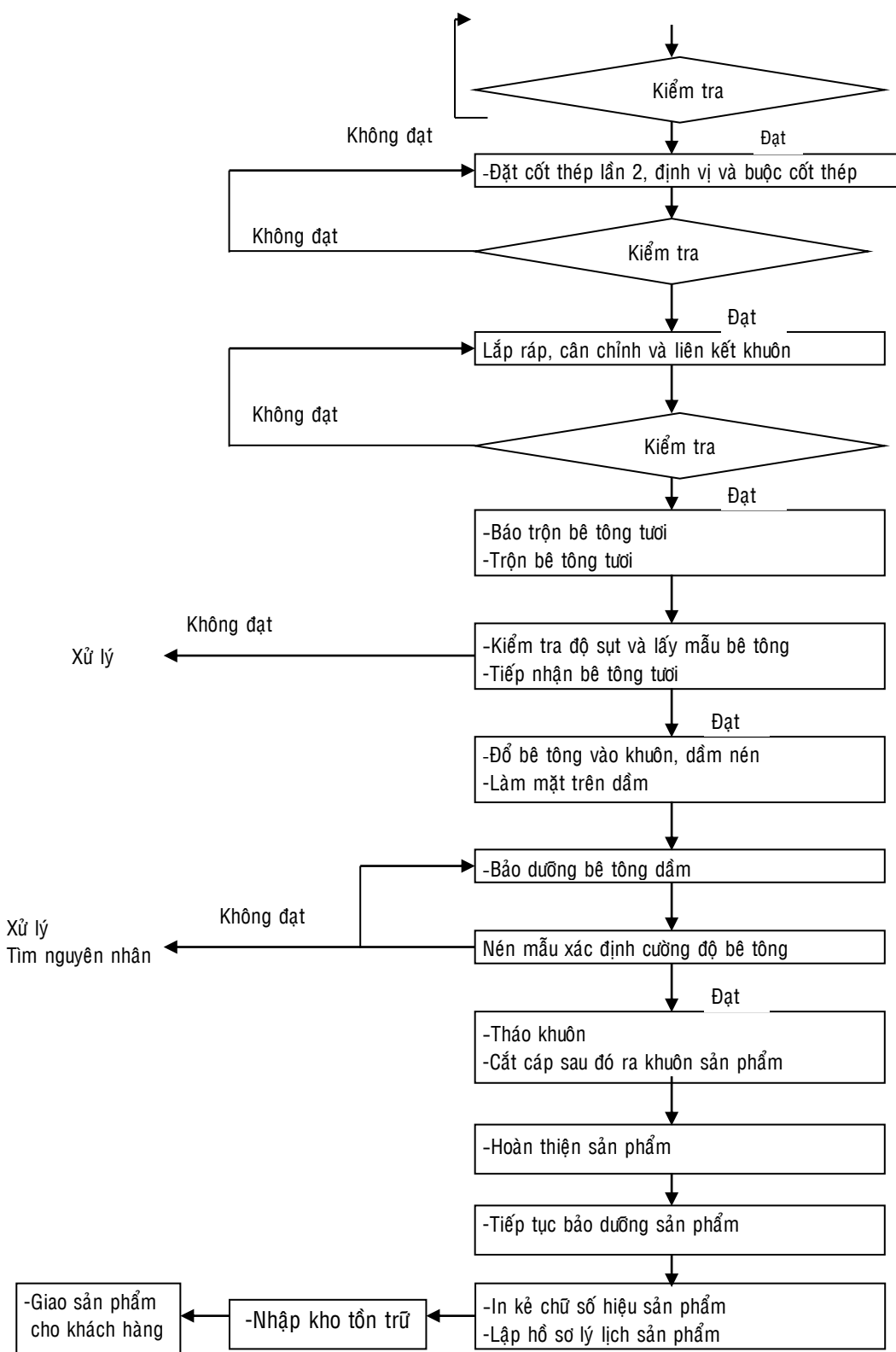
- Theo thiết kế kỹ thuật và đặc tính của các sản phẩm Công ty, ngoài sản phẩm đá và bê tông tươi có quy trình sản xuất tương ứng với một dây chuyền riêng biệt. Các sản phẩm còn lại đều phải trải qua nhiều công đoạn trong nhiều dây chuyền khác nhau để ra được thành phẩm. Do đó, hiện tại một số dây chuyền sản xuất chính như sau:.

QUY TRÌNH SẢN XUẤT BÊ TÔNG TƯƠI



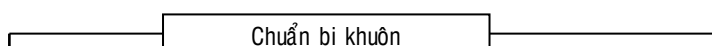
QUY TRÌNH SẢN XUẤT DẦM BÊ TÔNG CỐT THÉP – DỰ ỨNG LỰC





QUY TRÌNH SẢN XUẤT CỌC VUÔNG BÊ TÔNG CỐT THÉP

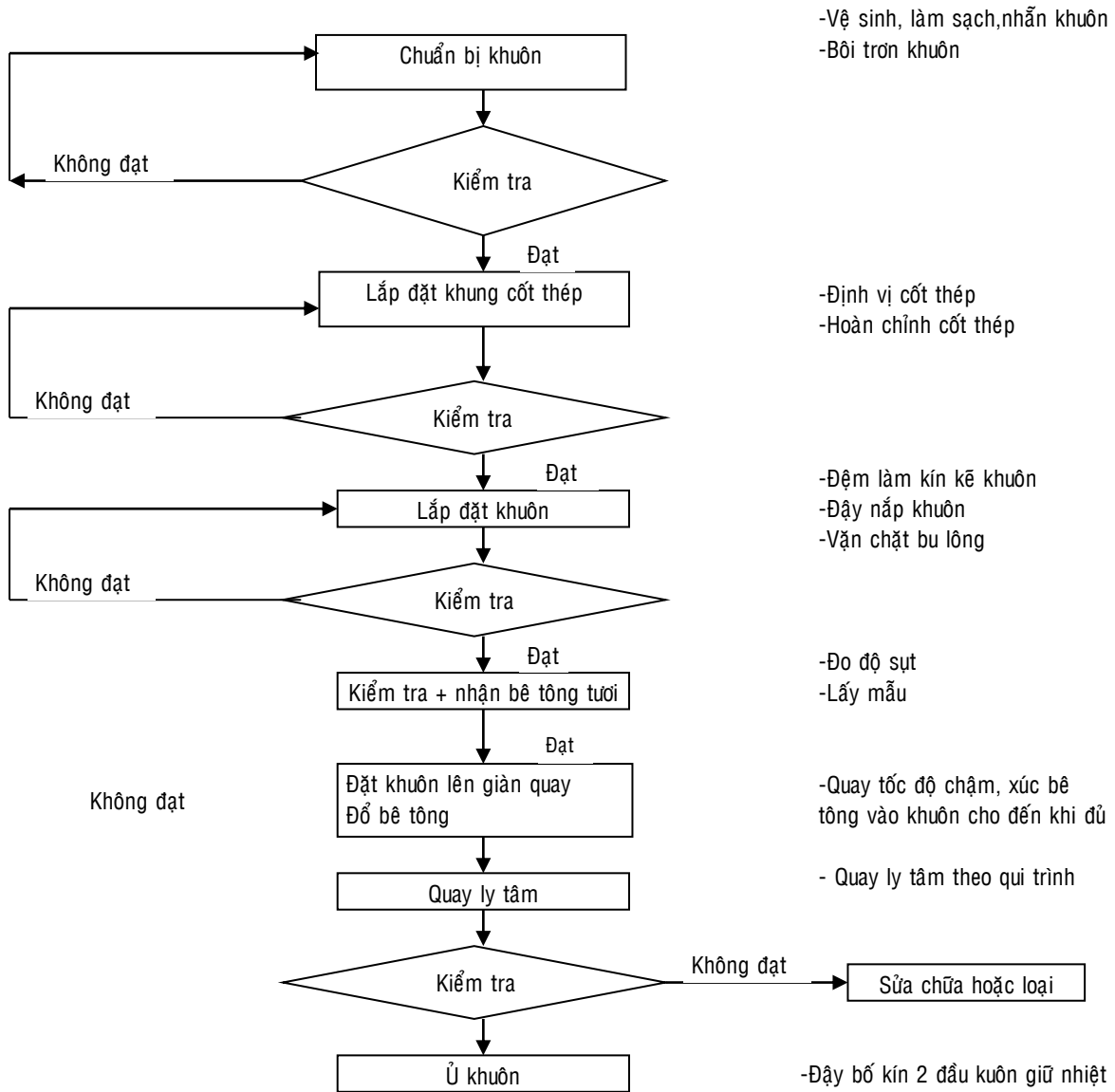
Giai đoạn 1:



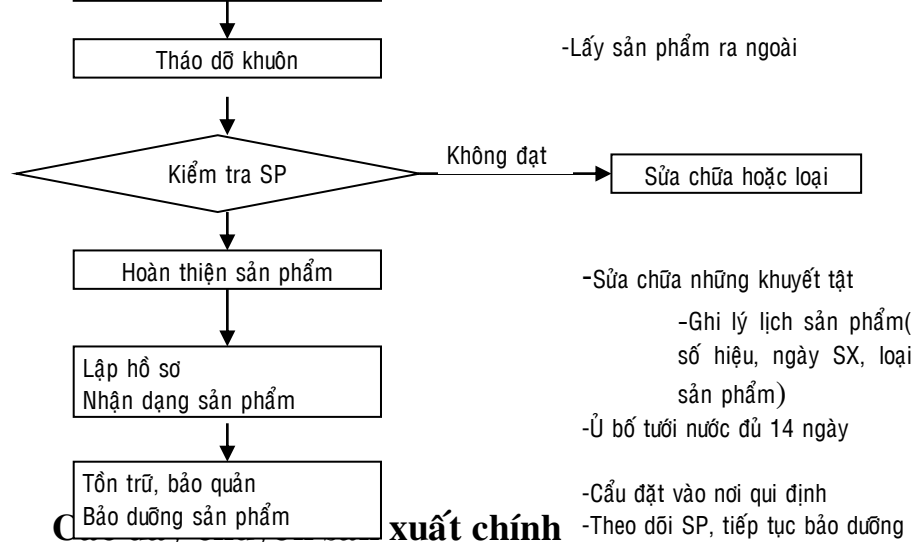
(Áp dụng cho khuôn bằng cọc BT)

QUY TRÌNH SẢN XUẤT CỌC ỐNG VÀ ỐNG CỐNG BTCT BẰNG PHƯƠNG PHÁP QUAY LY TÂM

Giai đoạn 1



Giai đoạn 2



xuất chính

Dây chuyền gia công khung cốt thép

- Trong sản xuất các sản phẩm bê tông, khâu gia công tạo khung cốt thép có ảnh hưởng rất lớn đến năng suất và chất lượng sản phẩm bê tông. Nhằm bắt được điều này, Công ty đã đầu tư một dây chuyền gia công cốt thép hoàn chỉnh, trình độ công nghệ thuộc thế hệ tiên tiến so với các nước trong khu vực. Công suất gia công thành khung cốt thép cho các sản phẩm bê tông là 50 tấn thép các loại/ca. Mặt bằng dây chuyền này hiện nay là 12.000 m² (chưa kể dây chuyền gia công thép cho cọc ống).
- Tất cả các bước trong dây chuyền gia công cốt thép chủ yếu thực hiện trên những thiết bị chuyên dùng.

Dây chuyền gia công khuôn bãi

- Công tác gia công khuôn bãi không chỉ có ảnh hưởng lớn đến hình dáng và mẫu mã mà còn ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm bê tông. Hiện tại, Công ty đang có một dây chuyền hoàn chỉnh có thể thực hiện thiết kế và gia công tất cả các khuôn bãi cho từng thiết kế sản phẩm khác nhau kể cả các thiết kế sản phẩm phức tạp mà trước đây Công ty phải thuê đơn vị ngoài gia công hoặc nhập từ nước ngoài. Ví dụ như: khuôn các loại cọc ống, ống cống, khuôn đầm các loại, cọc ván ...
- Để thực hiện công tác này, Công ty đã có dây chuyền gia công từ khâu cắt uốn đến khâu tạo hình sản phẩm, có đủ năng lực để đáp ứng số lượng khuôn bãi theo yêu cầu. Các thiết bị trong dây chuyền hiện nay đang vận hành là: các nhà xưởng, các loại Palan điện, cổng trục, thiết bị cắt thép tấm bằng thủy lực, bằng gió đá, thiết bị dập uốn hình, khuôn đầm các loại, thiết bị hàn tiện, phay ...
- Hiện nay số lượng khuôn bãi sử dụng cho công tác đúc các sản phẩm bê tông của Công ty đã có thể đáp ứng công suất nhà máy đến 60.000 m³ bê tông /năm.

Dây chuyền trộn bê tông

- Để phục vụ cho công tác trộn và cung cấp bê tông tươi tại nhà máy, Công ty đã bố trí hai trạm trộn trên diện tích mặt bằng 8.000 m² (chưa kể các kho xi măng, phụ gia). Hiện nay công tác trộn bê tông tại Công ty chủ yếu được thực hiện trên hai trạm trộn: trạm trộn tự động ORU sản xuất tại Italy với công suất 86 m³/giờ và trạm trộn bán tự động của Liên Xô (cũ) có công suất 60 m³/giờ.
- Công tác vận chuyển bê tông tươi từ trạm trộn bê tông đến sân bãi đúc sản phẩm nhờ một thiết bị vận chuyển chuyên dùng riêng. Hiện nay, Công ty có các thiết bị vận chuyển bê tông tươi với 23 xe (bao gồm 16 xe hiệu Ssangyang của Hàn Quốc, 03 xe hiệu Mix – Fuso của Nhật, 01 xe hiệu Kamaz của Liên xô cũ, 03 xe hiệu Ford của Mỹ, phần lớn những xe này đều được sản xuất trong những năm 90) mà công suất 6 m³ mỗi xe cho một lần vận chuyển, số lượng này đủ để ứng phó với mọi biến động của sản xuất trong Công ty cũng như những thay đổi trong nhu cầu cung cấp trực tiếp bê tông tươi cho khách hàng.

Dây chuyền đúc, bảo dưỡng và tôn trữ sản phẩm

- Đây là khâu cuối cùng trong công tác sản xuất sản phẩm bê tông tại nhà máy, khâu này thiên về sử dụng nhiều nhân lực, chiếm nhiều mặt bằng đồng thời tốn nhiều thời gian nhất trong các công đoạn của dây chuyền.

- Trên mặt bằng sân bãi rộng 105.000 m², Công ty đã bố trí các sân đúc các loại sản phẩm đủ chủng loại và được chia làm bốn khu vực sân đúc và tồn trữ sản phẩm bê tông:
 - + Khu vực 1 là dây chuyền chuyên đúc các sản phẩm dầm bê tông cốt thép dự ứng lực thực hiện trên diện tích mặt bằng 20.000 m².
 - + Khu vực 2 là dây chuyền chuyên đúc các sản phẩm cọc vuông bê tông cốt thép, bê tông cốt thép dự ứng lực, cọc ván ... thực hiện trên mặt bằng có diện tích 50.000 m².
 - + Khu vực 3 là dây chuyền chuyên đúc các sản phẩm cọc ống, ống cống thực hiện trên diện tích 15.000 m².
 - + Khu vực 4 là khu vực tồn trữ sản phẩm sau khi đã đúc xong và bảo dưỡng đến cường độ tối thiểu 70% cường độ thiết kế, khu vực này có diện tích là 15.000 m².
- Các sân đúc được bố trí thành từng dãy và có đường công vụ xung quanh để phục vụ cho công tác thi công. Đối với các sản phẩm bê tông cốt thép dự ứng lực căng trước, các bộ căng được bố trí ngay trên sân đúc sản phẩm.

5.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:

Thị trường tự thân nó luôn luôn tồn tại yếu tố cạnh tranh để tồn tại, cạnh tranh để hoàn hảo. Đối với những sản phẩm cùng loại nhưng cạnh tranh ở giá sản phẩm bán ra của các đơn vị hiện nay không phải là xu thế đúng của thị trường, việc cạnh tranh phải đi vào yếu tố công nghệ sản xuất và lắp đặt sản phẩm, nó mang tính tất yếu của thị trường và đòi hỏi nhà sản xuất phải tập trung công nghệ hiện đại hơn, giá thành sản phẩm rẻ hơn mới có thể tồn tại và phát triển trong xu thế toàn cầu hóa, và gia nhập WTO của Việt Nam trong năm 2006. Song song với yếu tố tận dụng công nghệ hiện đại của thế giới, công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới đã nghiên cứu và đa dạng được sản phẩm mới, cũng như chủng loại sản phẩm mới nhằm đáp ứng một phần nhu cầu thị trường.

- Công ty đã nghiên cứu và lắp đặt một dây chuyền công nghệ đúc cọc rỗng, panel rỗng bán tự động và phương pháp bê tông khô. Hiện nay, công ty đã tính toán và thử tải những sản phẩm này trước khi cung cấp sản phẩm đến thị trường. Các sản phẩm bê tông nhẹ hiện nay rất mới mẻ ở Việt Nam, công ty đang sản xuất các tấm trường, tấm panel và đang nghiên cứu để cho ra thị trường những sản phẩm không chỉ nhẹ mà còn có thể chịu tải trọng lớn. Công ty kết hợp với đơn vị chuyên nghiên cứu như: Phân viện Khoa Học Công Nghệ GTVT Phía Nam, Trường Đại học Bách Khoa, Trường Đại học Giao Thông Vận Tải... để nghiên cứu và đưa ra các loại sản phẩm mới. Công ty cũng tổ chức các chuyến tham quan nước ngoài để nghiên cứu, học hỏi các loại sản phẩm bê tông đúc sẵn có thể áp dụng ở Việt Nam

Các sản phẩm mới:

- Dầm BTCT DUL T ngược: H100, H120, H160 L<4,2m.
- Ống cống kích: (Φ900, Φ1000, Φ1200) L=2m; (Φ1500, Φ2200) L=2,5m.
- Bê tông nhẹ: Đan bê tông nhẹ H>800mm L<3,5M.
- Cọc BTCT DUL không đai: Cọc (200x200) L=7m, Cọc (250x250) L=9,5m-14m, Cọc (300x300) L=16m, Cọc (350x350), Cọc (400x400), Cọc (500x500).

5.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

a. *Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm:*

- Tổ kiểm tra chất lượng sản phẩm đầu vào.
- Tổ kiểm tra chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất và thi công bê tông.
- Tổ kiểm tra chất lượng thành phẩm và hồ sơ chất lượng sản phẩm.

b. *Công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm:*

Theo trình tự sau:

- Kiểm tra chất lượng đầu vào: Nguyên vật liệu cát, đá, xi măng, phụ gia, thép và các bán thành phẩm để sản xuất sản phẩm.
- Kiểm tra chất lượng ván khuôn: Bảo đảm kích thước hình học, độ kín, sạch.
- Kiểm tra chất lượng khung cốt thép: bảo đảm đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Kiểm tra chất lượng bê tông tại bãi đúc sản phẩm: độ sụt bê tông, thành phẩm bê tông.
- Kiểm tra thi công bê tông: đầm bê tông và hoàn thiện.
- Kiểm tra bảo dưỡng bê tông sau khi sản xuất.
- Kiểm tra ra khuôn sản phẩm, cắt cáp (nếu là sản phẩm dự ứng lực).
- Kiểm tra hoàn thiện sản phẩm và tồn trữ sản phẩm.
- Kiểm tra sản phẩm trước khi giao hàng (hoàn thiện lại).

c. *Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng:*

- Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000.
- Trung Tâm Chứng Nhận Phù Hợp Tiêu Chuẩn Quacert đã tổ chức đánh giá và cấp giấy chứng nhận số HT044/2.06.16 ngày 19/01/2006, có giá trị đến ngày 18/01/2009.

d. *Lĩnh vực được chứng nhận:*

- Sản xuất, vận chuyển cấu kiện bê tông đúc sẵn
- Lao phóng đầm bê tông dự ứng lực
- Xây dựng công trình cầu và đường

5.8 *Hoạt động marketing, Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền*

Ngoài những chiến lược thực hiện marketing của công ty trong mấy năm qua: chiến lược về giá, chiến lược sản phẩm, kế hoạch marketing cũng như thương hiệu và khách hàng của công ty. Hiện tại, công ty đã thành lập riêng Bộ Phận Tư vấn và Chăm Sóc Khách Hàng được đặt tại Văn phòng 35 Nguyễn Văn Đậu, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh trong năm 2004 nhằm mục đích tư vấn cho khách hàng của công ty chọn lựa và hướng ứng dụng những sản phẩm, dịch vụ mới tốt nhất và hiệu quả nhất của công ty trong việc xây dựng và lắp đặt theo yêu cầu thực tế. Ngoài ra, Bộ phận tư vấn và chăm sóc khách hàng lập chiến lược marketing cho các sản phẩm mới hàng năm và lâu dài; Tính toán và lập giá thành những sản phẩm mới và tham mưu cho lãnh đạo công ty trong việc xây dựng chiến lược giá các sản phẩm mới; xây dựng và quản lý mạng lưới phân phối, lắp đặt sản phẩm mới.....Bộ phận tư vấn và chăm sóc khách hàng

còn tham gia xây dựng và phát triển thương hiệu Bê tông 620 trên thương trường trong nước và ở nước ngoài.

Bản quyền, bằng phát minh, sáng chế:

- Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 45917 được cấp theo Quyết định số 1207/QĐ-ĐK ngày 02/04/2003 do Cục sở hữu công nghiệp – Bộ Khoa học và Công nghệ cấp và có hiệu lực 10 năm;
- Bằng độc quyền Giải pháp hữu ích cho dầm bê tông cốt thép tiền áp được cấp theo Quyết định số 184/QĐ-ĐK ngày 15/03/2001 do Cục sở hữu công nghiệp – Bộ Khoa học và Công nghệ cấp và có hiệu lực 10 năm.

5.9 Các hợp đồng lớn đang thực hiện, đã được ký kết:

STT	Tên dự án	Giá trị BT6 tham gia thi công	Kế hoạch thực hiện	
			Khởi công	Hoàn thành
1	Cầu Rạch Miễu – Bến Tre	138.927.540.265	9/2004	12/2006
2	Cầu Cần Thơ	74.000.000.000	3/2005	2008
3	Đường cao tốc Sài Gòn – Trung Lương	520.432.374.544	11/2005	8/2007
4	27 cầu và 9 cống Long An	35.420.000.000	6/2005	12/2006
5	Đại lộ Đông Tây	48.500.000.000	1/2006	12/2007

6 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm: 2004 và 2005

6.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm 2004 và năm 2005:

Chỉ tiêu	Năm 2004	Năm 2005
1. Tổng giá trị tài sản	318.062.052.066	423.063.955.289
2. Doanh thu thuần	280.940.204.795	417.877.563.415
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	35.477.417.821	44.715.038.506
4. Lợi nhuận khác	-57.708.441	-1.060.970.903
5. Lợi nhuận trước thuế	19.193.435.966	23.071.026.227
6. Lợi nhuận sau thuế	19.193.435.966	20.187.147.949
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	45,97%	43,71%

6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2005.

- Công ty chuyên sản xuất những sản phẩm bê tông, cấu kiện bê tông đúc sẵn..... Nên nguyên liệu đầu vào chủ yếu là vật liệu xây dựng: cát, đá, sắt, xi măng.....những nguyên vật liệu đầu vào này thường xuyên biến động nên đã ảnh hưởng không ít đến giá

sản xuất xưởng của công ty. Mặt khác, do cạnh tranh của những công ty khác có cùng mặt hàng, nên công ty cũng đã chủ động hạ đơn giá bán sản phẩm đối với những dự án được công ty tham gia với giá trị lớn, qua đó, tính trên tổng thể vẫn đảm bảo được mức sinh lời của từng dự án trong tổng lợi nhuận của công ty. Điều này được thể hiện ở doanh thu và lợi nhuận năm sau luôn cao hơn năm trước từ 7% đến 15%.

- Do đặc thù ngành xây lắp, sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn: nhu cầu vốn lưu động mà công ty phải đáp ứng trước cho các công trình thường rất lớn và thời gian công trình hoàn thành và quyết toán với Nhà nước (công trình của nhà nước; thuộc vốn đầu tư của nhà nước) thường kéo dài, cộng thêm hạn mức mà những trung gian tài chính hỗ trợ các công trình, những công ty xây dựng hiện nay bị giới hạn và kiểm soát chặt chẽ đã tạo ra không ít khó khăn cho doanh nghiệp trong việc quay nhanh đồng vốn, và thường bị chiếm dụng vốn lớn. Từ đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả, lợi nhuận từ những công trình mang lại, nhưng mức độ tăng trưởng lợi nhuận hàng năm của công ty đã được duy trì khá và có triển vọng phát triển bền vững hơn trong những năm tới.

7 Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:

Vị thế của Công ty trong ngành:

❖ Trong lĩnh vực sản xuất bê tông:

Trong cả nước hiện có nhiều Tổng công ty xây dựng công trình giao thông thuộc bộ Giao thông Vận tải và Bộ Xây dựng với quy mô gồm nhiều công ty thành viên, trong đó có nhiều công ty chuyên về lĩnh vực sản xuất bê tông (bê tông tươi, bê tông cốt thép, dầm bê tông, cọc ống,.....) nằm rải rác từ miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Tuy nhiên, đối với mảng bê tông cốt thép siêu trọng như dầm Super T thì bê tông 620 Châu Thới có ưu thế nổi trội hơn hết. Công ty đã đi đầu trong mảng này cho nhiều công trình lớn tại phía Nam và cả miền Trung. Có thể nói, trong tất cả các công trình cầu được xây dựng tại phía Nam luôn luôn có sự hiện diện của các sản phẩm của công ty bê tông 620 Châu Thới. Điều đó chứng tỏ rằng chất lượng, uy tín và tính cạnh tranh của những sản phẩm bê tông của công ty ở phía Nam vượt trội so với những sản phẩm cùng loại trên thương trường.

❖ Trong lĩnh vực thi công, xây lắp:

Hiện nay, trong lĩnh vực xây lắp, nhiều đơn vị đang cạnh tranh mạnh không chỉ đối với những Tổng công ty xây dựng giao thông nói riêng, mà còn giữa các công ty TNHH, doanh nghiệp tư nhân nói chung. Riêng đối với lĩnh vực thi công, xây lắp, do có thế mạnh là đơn vị cung cấp các loại bê tông siêu trường, siêu trọng, nên Công ty không chỉ cung cấp sản phẩm bê tông mà còn tiến hành thi công, xây lắp cho các công trình có sử dụng các sản phẩm bê tông của công ty. Đối với các dự án lớn tại vùng Đông Nam Bộ và Khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long (công trình Cầu Phú Mỹ, Cầu Cần Thơ, Cầu Rạch Miễu, đường cao tốc Sài Gòn – Trung Lương, ..v.v.....), đều có sự tham gia của công ty, cho thấy khả năng, cũng như vị thế của công ty không chỉ đáp ứng với những công trình nhỏ lẻ, mà còn ngày càng khẳng định khả năng đáp ứng của công ty với những công trình lớn với tiêu chuẩn kỹ thuật cao, ứng dụng công nghệ mới và đều có sự tham gia của các nhà thầu lớn của nước ngoài (Úc, Nhật, ..v.v.....).

❖ Trong lĩnh vực nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới:

Công ty đã tiên phong trong việc nghiên cứu, tiếp thu công nghệ sản xuất sản phẩm mới và đã, đang tiến hành sản xuất những sản phẩm: Cọc ván bê tông; Dầm nông thôn; Bê tông sàn rỗng – cọc rỗng; tấm tường bê tông nhẹ nhằm phục vụ tốt hơn, chất lượng hơn cho những công trình trong tương lai. Những sản phẩm này rất thích hợp cho những công trình nhà chung cư cao tầng, cao ốc văn phòng.

Triển vọng phát triển ngành:

Trong quá trình phát triển kinh tế của đất nước, việc nâng cấp, mở rộng và phát triển hệ thống giao thông, cơ sở hạ tầng luôn phải đầu tư nhằm tạo tiền đề cho phát triển công nghiệp, đô thị, ..v.v..... Do đó, để duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ít nhất từ 8% trở lên hàng năm, sẽ đòi hỏi các bộ ngành, địa phương tăng cường mở rộng, phát triển cơ sở hạ tầng ngày một hoàn chỉnh và góp phần phát triển công nghiệp của đất nước.

Việc đầu tư, đổi mới công nghệ, kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng giao thông đòi hỏi mang tính tất yếu trong quá trình phát triển của ngành xây dựng, giao thông nói riêng và những ngành, lĩnh vực khác nói chung.

Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới:

Việc Công ty trong những năm qua đã gia tăng đầu tư, đổi mới, tiếp cận những công nghệ mới về xây dựng, lắp đặt cũng như nghiên cứu những sản phẩm bê tông mới từ những quốc gia tiên tiến như Nhật Bản, Úc, Mỹ cũng như các nước Châu Âu, đã tạo tiền đề cho phát triển lớn mạnh của công ty cùng với triển vọng phát triển ngày càng nhanh của ngành xây dựng giao thông của đất nước.

Công ty đã gia tăng nghiên cứu và ứng dụng những công nghệ mới vào việc sản xuất bê tông các loại, thi công các công trình giao thông nhằm đảm bảo chất lượng tốt nhất cho các công trình, cũng như những công trình đòi hỏi trình độ kỹ thuật, ứng dụng công nghệ hiện đại của thế giới. Xu thế phát triển chung của ngành là tăng cường tối đa hàm lượng kỹ thuật, công nghệ hiện đại cho các công trình nhằm đảm bảo tuyệt đối an toàn khi đưa vào vận hành. Cũng như vận dụng và đưa vào những công trình đòi hỏi hàm lượng kỹ thuật, tính năng cao từ những nguyên liệu đầu vào như bê tông, dầm, ..v.v..... đảm bảo tính ưu việt tuyệt đối, sẽ không những nâng cao chất lượng mà còn gia tăng độ bền của các công trình.

8 Chính sách đối với người lao động

Tình hình lao động hiện nay :

Tổng số nhân viên hiện nay là 1.199 người, trong đó lao động gián tiếp là 256 người. Đa số lao động ký hợp đồng dài hạn với cơ cấu và tỷ lệ như sau :

LAO ĐỘNG	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
Lao động quản lý	95	7,92%
Lao động phục vụ	161	13,43%
Lao động trực tiếp sản xuất:	943	78,65%
- Tại công ty	565	47,12%
- Tại các công trình xây lắp	378	31,53%

Về trình độ:

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ
Trên đại học	3	0,25%
Đại học	129	10,76%
Cao đẳng	5	0,42%
Trung cấp	23	1,92%
Sơ cấp	506	42,20%
Công nhân kỹ thuật	533	44,45%

Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới luôn thực hiện nghiêm chỉnh chính sách đối với người lao động theo Bộ luật Lao động. Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã thực hiện các vấn đề liên quan tới người lao động như sau :

- Sắp xếp, bố trí lại tổ chức sản xuất, kiểm tra, đánh giá lại tay nghề công nhân, bố trí lao động hợp lý, đảm bảo lao động được bố trí trong dây chuyền sản xuất chính là những lao động thực sự có trình độ tay nghề chuyên môn cao.
- Giải quyết việc làm cho số lao động dôi ra từ các dây chuyền sản xuất, giải quyết đầy đủ các chế độ trợ cấp thôi việc theo quy định của luật pháp nếu người lao động có nguyện vọng xin nghỉ việc để làm kinh tế gia đình.
- Chính sách đào tạo: Công ty đã thành lập một bộ phận chuyên trách về công tác đào tạo. Tất cả những lao động đến công ty làm việc đều được công ty đào tạo ban đầu, và hàng năm, căn cứ vào nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh các đơn vị xí nghiệp, đội thi công và xây dựng lập phiếu tập hợp nhu cầu đào tạo sẽ được công ty lập kế hoạch đào tạo của năm sau và triển khai 06 tháng một lần. Tổ chức đánh giá chất lượng ISO – QUACERT – sẽ tiến hành kiểm tra việc đào tạo của công ty theo đúng tiêu chuẩn chất lượng.
- Trong năm 2006, công ty đã lập kế hoạch sẽ đào tạo tay nghề chuyên sâu cho các quản đốc phân xưởng, tổ trưởng sản xuất và công nhân bậc cao. Ngoài ra, công ty sẽ tiến hành đào tạo tại chỗ nhằm xây dựng tác phong văn hóa doanh nghiệp.
- Tiền lương và tiền thưởng: người lao động làm việc tại công ty vào những dịp lễ, tết đều được công ty thưởng định kỳ cũng như khen thưởng đột xuất. Trong dịp lễ 30/04 và 02/09 vừa qua, công ty đã thưởng trên 700 triệu đồng và chi thưởng gần 02 tỷ đồng trong dịp Tết âm lịch 2005. Song song đó, công ty đã tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi tham quan, du lịch và nghỉ mát trong năm 2004 trên 600 triệu đồng.
- Chế độ BHXH, BHYT: Công ty áp dụng theo quy định của Nhà nước.
- Chế độ nâng bậc, nâng lương: trong khi chưa có chế độ nâng bậc nâng lương mới, Công ty vẫn áp dụng theo các quy định của Nhà nước.
 - + Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, hàng năm Công ty liên hệ với các trường dạy nghề tổ chức thi kiểm tra nâng bậc tiêu chuẩn dự thi theo quy định của Nhà nước.
 - + Đối với nhân viên phục vụ, nhân viên viên nghiệp vụ và cán bộ quản lý, Công ty sẽ xây dựng bảng tiêu chuẩn viên chức nghiệp vụ, hàng năm lập Hội đồng xét nâng bậc lương thời gian giữ bậc theo quy định của Nhà nước.

- Chế độ khen thưởng: áp dụng hình thức khen thưởng đột xuất và khen thưởng định kỳ để khuyến khích CBCNV có nhiều thành tích đóng góp cho Công ty.
 - + Hình thức khen thưởng đột xuất của Công ty áp dụng cho những tập thể, cá nhân có đóng góp đột xuất vào từng vụ việc trong sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mức độ làm lợi của từng công vụ như: khen thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật, khen thưởng áp dụng công nghệ, khen thưởng trong việc ký kết hợp đồng, khen thưởng thu hồi nợ....
 - + Khen thưởng định kỳ áp dụng cho 6 tháng một lần. Đối tượng xét, số tiền thưởng, hình thức thưởng do Hội đồng Thi đua đề xuất Tổng giám đốc duyệt mức thưởng theo quy định chung của Nhà nước.
- Chế độ kỷ luật: tiếp tục áp dụng Bản Nội quy Kỷ luật của Công ty đã được Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Dương công nhận để giữ vững kỷ luật, kỷ cương của Công ty và đảm bảo việc xây dựng một đội ngũ người lao động có trình độ tay nghề và có kỷ luật cao trong công việc.

9 Chính sách cổ tức

a. Tỷ lệ cổ tức trong hai năm 2004 và năm 2005:

Chỉ tiêu	Năm 2004	Năm 2005
Tỷ lệ cổ tức	15%	15%

b. Chính sách liên quan đến việc chi trả cổ tức:

Qua 05 năm hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, công ty đã duy trì mức cổ tức 15%/năm. Nếu so sánh với những công ty trong cùng lĩnh vực hoạt động sản xuất công nghiệp hiện đang niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về tình hình chi trả cổ tức trong hai năm qua, thì tỷ lệ cổ tức được công ty chi trả thuộc loại cao và ổn định. Hướng phấn đấu của công ty trong thời gian tới sẽ nâng mức cổ tức trả cho cổ đông, cụ thể trong năm 2006 là 16%/năm.

10 Tình hình hoạt động tài chính:

10.1 Các chỉ tiêu cơ bản:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm, và chế độ kế toán đang áp dụng tại Công ty là Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Trích khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các tài sản cố định như sau:

Tài sản cố định
Nhà cửa, vật kiến trúc

Số năm khấu hao
5-25 năm

Máy móc, thiết bị	5-10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5-7 năm

Mức lương bình quân:

Công ty tính lương theo Quyết định số 86/QĐ-HĐQT ngày 01/03/2005 của Hội đồng quản trị về việc duyệt chi phí tiền lương năm 2005 như sau:

- Sản phẩm bê tông: 116.59 đồng/1.000 đồng doanh thu.
- Sản phẩm dịch vụ vận chuyển và lao phồng: 125.78 đồng/1.000 đồng doanh thu.
- Các sản phẩm xây lắp: trích theo số thực chi.

Mức lương bình quân của CBCNV là 2.402.000 đồng/người/tháng.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty đã thực hiện đúng theo các cam kết có liên quan trong việc vay và trả tiền vay đối với các tổ chức tín dụng và tổ chức cho thuê tài chính.

Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty luôn tuân thủ trong việc nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách theo đúng các thông báo và thời gian của các cơ quan có liên quan.

Trích lập các quỹ theo luật định:

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định hiện hành, cụ thể, số dư các quỹ như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2004	Năm 2005
Quỹ đầu tư phát triển	14.654.355.283	20.854.815.516
Quỹ dự phòng tài chính	1.548.950.120	2.250.000.740
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.131.538.971	7.252.540.210
Tổng cộng	21.334.844.374	30.357.356.466

(Trong năm 2005, Công ty trích 20% lợi nhuận còn lại cho Quỹ đầu tư phát triển; 5% cho Quỹ dự phòng tài chính; và 24% cho Quỹ khen thưởng, phúc lợi)

Tổng dư nợ vay

Tại thời điểm 31/12/2005, tình hình số dư nợ vay của Công ty như sau:

Nợ ngắn hạn: 267.881.930.359 đồng

Nợ dài hạn: 47.870.503.515 đồng.

Chi tiết các khoản nợ vay:

Nội dung	Số liệu đầu năm	Số liệu cuối năm
Vay ngắn hạn:	70.140.000.000	74.909.190.057
- Ngân hàng VCB – CN Tân Thuận.	46.900.000.000	6.000.000.000
- Ngân hàng BIDV Bình Dương.	13.240.000.000	0
- Ngân hàng Eximbank Việt Nam	10.000.000.000	35.800.000.000
- Ngân hàng BIDV Bến Tre	0	11.600.000.000

- Ngân BIDV – Sở Giao dịch II	0	21.509.190.057
Nợ dài hạn đến hạn trả:	2.507.304.313	5.842.629.661
- Nợ vay Tổng công ty (Cienco 6)	2.507.304.313	2.606.229.661
- Ngân hàng VCB – CN Tân Thuận	0	110.400.000
- Ngân hàng Eximbank Việt Nam	0	3.024.000.000
- Ngân hàng VID Bình Dương	0	102.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả:	0	3.821.323.237
- Thuê tài chính 07 xe trộn bê tông	0	943.418.237
- Thuê tài chính cần cầu Link Belt	0	1.171.243.296
- Thuê tài chính 02 xe đầu kéo Hyundai	0	462.851.593
- Thuê tài chính 02 xe cầu Sumitomo	0	1.243.810.111
Vay dài hạn và Nợ dài hạn:	15.422.580.373	40.107.485.083
Tổng cộng	88.069.884.686	124.680.628.038

Tình hình công nợ hiện nay:

- Phải thu của khách hàng

Khách hàng	31/12/2005	31/12/2004
BĐH các dự án phía Nam (LD ANAM-CIENCO 8)	8.829.902.877	-
BQLDA ĐT & XDCTGT Tiền Giang	1.123.439.772	1.179.098.705
BQL các dự án giao thông tỉnh Trà Vinh	2.895.552.433	2.895.552.433
BQL Dự án giao thông Long An	1.074.133.106	776.103.220
BQLDA ĐTXDCB Thạnh Phú	1.695.843.587	812.054.023
Cty XD & ứng dụng công nghệ mới	1.578.401.004	2.259.921.904
CN TCT XDCTGT 6 tại Đà Nẵng	1.035.602.260	851.473.487
Cty Cổ phần Cơ khí công trình 2	2.012.578.400	-
Cty Công trình giao thông 60	5.353.659.952	5.362.979.952
Cty Công trình giao thông 63 (*)	2.195.923.665	2.195.923.665
Cty Cầu 14	4.620.153.569	-
Cty Công trình giao thông 492	1.081.585.200	-
Cty CP BOT cầu Phú Cường	4.250.924.354	1.404.551.337
Cty CP XD 620 - Bến Tre	2.198.664.402	2.197.704.402
Cty CP XDĐT & TM Đông Nam Á	1.802.035.400	4.702.035.400
Cty CP Xây lắp thương mại 2	1.732.941.976	-
Cty Đầu tư phát triển hạ tầng	2.123.505.466	-
Cty Phát triển Khu công nghệ cao (SHTPCo)	1.078.991.050	-
Cty CSCEC – SPCC J.O	2.968.500.000	315.000.000
Cty TNHH XD Thế Hưng	1.295.761.864	1.996.158.000
Cty XD Công trình giao thông 586	1.113.536.202	1.814.940.857
Cty XD - Bộ GD & ĐT	1.096.629.985	1.096.629.985
Cty XD & KD nhà Sài Gòn	1.328.358.000	-
Cty Thi công cơ giới 6	2.040.005.767	2.040.005.767
Cty Thanh niên xung phong Tp.HCM	3.191.774.421	3.191.774.421
Tổng Cty XD Công trình giao thông 6	2.138.018.111	-
VATECH TRANS & DIST	1.361.900.545	-
NISHIMATSU CONSTRUCTION Co.Ltd	23.242.541.423	-

Khách hàng	31/12/2005	31/12/2004
Các khách hàng khác	25.497.676.782	28.265.554.146
Cộng (**)	111.958.541.573	63.357.461.704

- **Phải trả cho người bán**

Khách hàng	31/12/2005	31/12/2004
Sika Limited VN	2.906.039.267	2.677.097.769
SCT Ltd. Thái Lan	10.810.856.156	-
DNTN TMDVVT Tân Huỳnh Lâm	834.611.161	1.662.205.900
XN Tư Doanh CK XK Kiến Tường	844.741.553	419.067.175
XN VLXD số 15-Cty CP TM & Đ lý Dầu	2.100.259.195	-
Cty CPĐTTM SMC (XN VLXD Số 1)	33.081.707.128	22.969.231.336
Nguyễn Khắc Nhượng	-	1.737.070.933
Trung tâm thương mại VLXD	1.895.259.938	3.436.993.580
Cty CTGT Tiền Giang	123.426.646	3.432.286.362
Cty CP Thành Nam	5.722.931.600	-
Cty K Sản & XD Bình Dương	1.408.096.832	975.111.564
Cty LD XM Sao Mai (HOLCIM)	1.644.615.952	3.730.187.097
Cty TNHH TM Thép Việt	3.304.327.126	6.018.302.999
Cty TNHH TM DV VT Tân Hồng Lộc	2.058.450.500	619.230.000
Cty TNHH Mười Đầy	-	1.881.852.343
Cty TNHH TMXDSX Phương Nga	3.473.777.800	1.569.068.500
Cty XD CTGT 586	357.334.775	714.669.550
Các khách hàng khác	10.634.546.776	10.341.108.439
Cộng	81.200.982.405	62.183.483.547

10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2004	Năm 2005	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,15	1,17	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
TSLĐ – Hàng tồn kho	0,43	0,70	
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,69	0,75	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	2,26	2,94	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán	2,10	2,70	
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,88	0,99	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,07	0,05	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,21	0,20	

+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,06	0,05	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần.	0,07	0,06	

11 Danh sách HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc (Kể từ Đại hội đồng cổ đông thường niên lần VI năm 2006)

11.1 Các thành viên HĐQT: Hội đồng quản trị Công ty gồm 07 người

1. Ông Nguyễn Hùng
2. Ông Trần Khắc Lợi
3. Bà Huỳnh Thị Thanh Hà
4. Bà Khương Thị Thanh
5. Ông Đặng Trung Thành
6. Ông Nguyễn Bằng Tâm Kể từ 08/04/2006
7. Ông Vũ Hữu Điền Kể từ 08/04/2006

Lý lịch trích ngang của những thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II.

Ông Nguyễn Hùng

Chức vụ:	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới; Phó tổng giám đốc Tổng công ty XDCTGT 6.
Năm sinh:	1957
Số cổ phiếu nắm giữ:	0
Địa chỉ liên lạc:	418/2B Nguyễn Kiệm, Quận Phú Nhuận, TP.HCM
Trình độ chuyên môn:	- Kỹ sư Cầu đường - Thạc sĩ quản trị kinh doanh - Đại học Chính trị - Khóa đào tạo về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán.
Trình độ ngoại ngữ:	Bằng C Anh văn
Những người có liên quan:	Không
Quá trình công tác	
1976 - 1989:	Nhân viên Công ty Bê tông 620
1990 - 1991:	Phó phòng Kế hoạch Công ty Bê tông 620
1991 - 1993:	Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Bê tông 620
1994 - 1995:	Phó giám đốc Công ty Bê tông 620
1996 - 2000:	Giám đốc Công ty Bê tông 620, Phó tổng giám đốc

	Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6
Từ 01/2001-nay:	Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông 620, Phó tổng giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6

Ông Trần Khắc Lợi

Chức vụ:	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị - Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới
Năm sinh	1962
Số cổ phiếu nắm giữ:	1.550
Địa chỉ liên lạc:	2/7 Cô Bắc, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Trình độ chuyên môn:	- Đại học Cầu đường - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Khóa đào tạo về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán
Trình độ ngoại ngữ:	Bằng C Anh văn
Những người có liên quan:	Không
Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không	
Quá trình công tác	
1982 - 1988:	Đội trưởng Công trình Sở Giao thông Bình Dương
1989 - 1997:	Trưởng phòng Thí nghiệm Giám sát chất lượng Công ty Bê tông 620
1998 - 1999:	Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty Bê tông 620
1999 - 2000:	Phó giám đốc Công ty Bê tông 620
Từ 01/2001- nay:	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới - Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà Huỳnh Thị Thanh Hà

Chức vụ:	Ủy viên Hội đồng quản trị - Giám đốc tài Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới
----------	--

Năm sinh:	1969
Số cổ phiếu nắm giữ:	1.050
Địa chỉ liên lạc:	478 Hai Bà Trưng, P. Tân Định, Quận 01, TP.HCM
Trình độ chuyên môn:	Đại học Tài chính Kế toán - Lớp đào tạo Kế Toán Trưởng
Trình độ ngoại ngữ:	Bằng B Anh văn
Những người có liên quan:	Không
Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không	
Quá trình công tác	
1989 - 1998:	Nhân viên kế toán Công ty Bê tông 620
1999 - 2000:	Kế toán Phó Công ty Bê tông 620
2001 đến nay:	Kế toán trưởng -Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới

Bà Khương Thị Thanh

Chức vụ:	Ủy viên Hội đồng quản trị - Trưởng phòng Tổ chức lao động Hành chính quản trị Công ty Cổ phần Bê tông 620.
Năm sinh:	1958
Số cổ phiếu nắm giữ:	2.450
Địa chỉ liên lạc:	117/11 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 17, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Trình độ chuyên môn:	Đại học Tài chính Kế toán - Cử nhân hành chính - Khóa đào tạo Quản trị kinh doanh
Trình độ ngoại ngữ:	Bằng C Anh văn
Những người có liên quan:	Không
Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không	
Quá trình công tác	
Trước 1981:	Nhân viên kế toán Khu đường bộ Điện Biên - Sở Giao thông Vận tải Lai Châu.
1981 - 1992:	Nhân viên định mức lao động Công ty Bê tông 620

1993 - 1995:	Phó phòng Tổ chức lao động tiền lương Công ty Bê tông 620
Từ 01/2001 – nay:	Trưởng phòng Tổ chức lao động tiền lương Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới Giám đốc nhân sự

Ông Đặng Trung Thành

Chức vụ:	Ủy viên Hội đồng quản trị - Giám đốc công ty TRANIMEXCO.
Năm sinh:	1958
Số cổ phiếu nắm giữ:	5.000
Địa chỉ liên lạc:	6B Tú Xương, P. 7, Quận 03, TP.HCM
Trình độ chuyên môn:	Đại học Cơ Khí chế tạo máy, thạc sĩ kinh tế
Trình độ ngoại ngữ:	Bằng C Anh văn
Những người có liên quan:	Không
Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không	
Quá trình công tác	
1980 - 1986:	Cán bộ kỹ thuật công ty cơ Khí
1987 - 1989:	Quản đốc xưởng cơ khí Nhà máy đại tu Z73 trực thuộc Cục kỹ thuật Quân khu 7
1990 - 1996:	Trưởng phòng vật tư – Kd Tổng công ty XNK vật tư thiết bị - Bộ GTVT Giám đốc Xí nghiệp thuộc Công ty xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, Bộ Giao thông Vận tải
1996 – 1997	Chủ nhiệm cửa hàng miễn thuế - cảng Sài Gòn - Bộ GTVT
1997 đến nay:	Giám đốc công ty Tranimexco

Ông Nguyễn Băng Tâm:

Chức vụ:	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc Cty Cổ Phần SXKD XNK Bình Thạnh.
Năm sinh:	1952

Số cổ phiếu nắm giữ:	3.000
Địa chỉ liên lạc:	433/14 Bình Quới, Phường 28, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Trình độ chuyên môn:	Quản trị kinh doanh
Trình độ ngoại ngữ:	Bằng C Anh văn
Những người có liên quan:	Không
Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không	
Quá trình công tác	
1968 – 1972	Thành Đoàn Sài Gòn Gia Định
1973 – 1974	Văn phòng Thành Ủy Sài Gòn Gia Định
1975 – 1987	Bí Thư Quận Đoàn – Bí thư Phường Ủy Quận Bình Thạnh
1988 – 1990	Giám đốc Công ty Thương Nghiệp Bình Thạnh
1991 – 2000	Giám đốc Công ty XNK Bình Thạnh
2001 – 2006	Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc Cty Cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Bánh kẹo Biên Hòa (BIBICA)

Ông Vũ Hữu Điền:

Chức vụ:	Giám đốc Nghiệp vụ – Dragon capital Group
Năm sinh:	1972
Số cổ phiếu nắm giữ:	0
Địa chỉ liên lạc:	45/54 Nguyễn Văn Đậu, Phường 6, QBT
Trình độ chuyên môn:	Tài chính – Chứng khoán
Trình độ ngoại ngữ:	Anh văn
Những người có liên quan:	Không
Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không	
Quá trình công tác	

1996 – 1999	Chuyên viên kế toán, Kế toán trưởng Công ty Proconco
1999 – 2000	Kế toán trưởng Công ty Food Centre of Saigon
2000 – 2004	Chuyên viên chính Dragon Capital Group
	Thành viên Hội đồng Tín dụng Ngân hàng VP
	Kiểm soát viên trưởng Công ty CP Giấy Hiệp An
	Kiểm soát viên Công ty CP Thủy sản số 4
	Kiểm soát viên thường trực Công ty CP Sữa Việt Nam (Vinamilk)
2004 – Nay	Giám đốc Nghiệp vụ – Dragon capital Group
	Kiểm soát viên Công ty CP Sữa Việt Nam (Vinamilk) – từ nhiệm năm 2005
	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Savimex
	Thành viên sáng lập và thành viên Hội đồng quản trị Công ty Vận Tải Biển Sài Gòn

11.2 Các thành viên Ban kiểm soát

1. Ông Diệp Vĩnh Bình (Kể từ ngày 08/04/2006)
2. Ông Nguyễn Thanh Hải
3. Ông Huỳnh Vĩnh Thành (Kể từ ngày 08/04/2006)

Lý lịch trích ngang của những thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ II.

Ông Nguyễn Thanh Hải

Chức vụ:	Ủy viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bê tông 620 - Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải - Công ty Cổ phần Bê tông 620
Năm sinh:	1948
Số cổ phiếu nắm giữ:	3.400

Địa chỉ liên lạc:	211/6 Nguyễn Văn Lượng, P 17, GV, TP.HCM
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Luật
Trình độ ngoại ngữ:	Bằng C Anh Văn
Những người có liên quan:	Không
Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không	
Quá trình công tác	
1965 - 1979:	Kế toán Công ty Xây dựng Công trình 1 - Cục Quản lý Đường bộ
1979 - 1982:	Kế toán trưởng Công ty Xây dựng Công trình 1 - Phân Cục Quản lý Đường bộ Miền Nam
1982 - 1984:	Kế toán trưởng Xí nghiệp Bê tông Châu Thới
Từ 1984 đến nay:	Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải - Công ty Cổ phần bê tông 620

Ông Diệp Vĩnh Bình

Chức vụ:	Kế toán trưởng - Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 (Cienco 6)
Năm sinh:	1950
Số cổ phiếu nắm giữ:	0
Địa chỉ liên lạc:	301 Block 1 Chung cư Mỹ Phước, đường Bùi Hữu Nghĩa QBT TPHCM
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Đại học Tài chính Kế toán Cao học quản trị kinh doanh
Trình độ ngoại ngữ:	12 C Anh văn, Pháp văn
Những người có liên quan:	Không
Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không	
Quá trình công tác	
1975 - 1983	Chuyên viên tài chính kế toán Cienco 6
1983 – 1996	Kế toán trưởng, trưởng phòng sản xuất kinh doanh công ty 610

1996 – 2004	Ủy viên Hội đồng quản trị, trưởng ban kiểm soát Cienco 6
2004 – nay	Kế toán trưởng Cienco 6

Ông Huỳnh Vĩnh Thành

Chức vụ:	Trưởng phòng Nghiệp vụ Tổng hợp Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Đệ Nhất.
Năm sinh:	1975
Số cổ phiếu nắm giữ:	0
Địa chỉ liên lạc:	17/9 Ấp 1, xã Định Hoà, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế - Tài chính
Trình độ ngoại ngữ:	C Anh văn
Những người có liên quan:	Không
Các quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không	
Quá trình công tác	
1998 – 2000	Công tác tại phòng Kinh doanh Công ty Becamex
2000 – Nay	Công tác tại Công ty CP Chứng khoán Đệ Nhất

11.3. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc: Gồm 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc

Ông NGUYỄN HÙNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông 620.

Ông TRẦN KHẮC LỢI

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông 620.

Ông PHẠM ĐÌNH NHẬT KỲ

Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông 620.

Ông HÀ THANH MÃN

Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông 620.

12 Tài sản (31/12/2005):

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ %
-----	-----------	------------	-----------------	---------

1	Nhà cửa vật kiến trúc	12.634.632.728	9.501.652.952	75,20%
2	Máy móc thiết bị	55.858.192.073	21.563.419.998	38,60%
3	Phương tiện vận tải	32.869.617.258	10.171.639.563	30,95%
4	Dụng cụ quản lý	1.927.375.268	128.965.764	6,69%
5	Tài sản cố định vô hình	8.086.133.840	7.470.037.340	92,38%
Tổng cộng		103.289.817.327	41.365.678.277	40,05%

13 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Chỉ tiêu	Năm 2006		Năm 2007		Năm 2008	
	Tỷ Đồng	% tăng giảm so với năm 2005	Tỷ Đồng	% tăng giảm so với năm 2006	Tỷ Đồng	% tăng giảm so với năm 2007
Doanh thu thuần	427	102.20%	480	112.4%	560	116.70%
Lợi nhuận sau thuế	25,62	127.0%	25,75	100.52%	28.35	110.10%
Vốn chủ sở hữu	161,8	161.70%	171,5	106.03%	183.8	107.2%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	6%	24.22%	5.40%	-10%	5.06%	-6.30%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	1.84%	-21.58%	15.01%	-6.25%	15.42%	2.73%
Cổ tức	16%	107%	16%	100%	16	100%

Kế hoạch sản xuất trong năm 2006:

a. Đối với sản xuất công nghiệp:

- Sản phẩm dầm: Dự kiến sản lượng sản xuất dầm trong năm 2006 sẽ tăng đột biến, riêng trong giai đoạn 2004 – 2005 thì sản xuất dầm ở mức tối đa nhưng không đáp ứng kịp nhu cầu. Riêng trong năm 2005, công ty đã ký hợp đồng cung cấp 2.366 dầm Super Tee cho dự án đường cao tốc Sài Gòn – Trung Lương và được tiến hành sản xuất trong năm 2006.
- Cọc bê tông cốt thép: Tiếp tục sản xuất cọc cho công trình xử lý nước thải, triển khai sản xuất 1.000 tim cọc công trình Ching Luh, công trình khu công nghệ cao Leighton, công trình nhà máy khí điện đạm Cà Mau, ...v...v.....

a. Đối với xây dựng cơ bản:

- Theo thống kê, nguồn vốn nước ngoài đang hướng vào thị trường xây dựng cơ bản thay vì thị trường bất động sản như trước đây, cho thấy tín hiệu phát triển của thị trường xây dựng trong năm 2006 cũng như các năm sau.
- Trong năm 2006, công ty tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thi công công trình cầu Rạch Miễu – Tiền Giang.
- Ngoài hạng mục bê tông tươi đang cung cấp, công ty đang tiến hành đàm phán để được giao tiếp hạng mục đúc dầm và thi công các hạng mục khác của công trình cầu Cần Thơ.

- Công ty đang tiến hành đàm phán để tham gia đúc 444 dầm Super Tee và thi công các hạng mục khác của dự án Đại lộ Đông Tây.

14 Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

Công ty Chứng khoán Đệ Nhất với vai trò là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, trên cơ sở những dữ liệu do Công ty cung cấp, chúng tôi đã tiến hành thu thập thêm những thông tin có liên quan, tổng hợp và đánh giá dựa trên tình hình hoạt động của Công ty sau 05 năm cổ phần hóa cũng như kế hoạch phát triển trong thời gian tới của Công ty, cùng với định hướng phát triển của ngành trong tương lai. Chúng tôi cho rằng kế hoạch do công ty đưa ra trong 03 năm tới là hợp lý nếu không có những biến động bất thường cũng như yếu tố bất khả kháng ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

Những đánh giá của chúng tôi chỉ mang tính tham khảo (không hàm ý bảo đảm giá trị chứng khoán do Công ty phát hành cũng như tính chính xác của những số liệu kế hoạch trong 3 năm tới) cho nhà đầu tư xem xét, và việc quyết định là do chính nhà đầu tư thực hiện.

15 Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành: Không có

16 Các thông tin tranh chấp, kiện tụng liên quan đến công ty có ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán phát hành

Hiện nay, công ty không có tranh chấp, kiện tụng pháp lý.

IV. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH

1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá: 10.000đồng Việt Nam /01cổ phiếu

3. Tổng số chứng khoán phát hành: 4.117.310 cổ phiếu

4. Giá phát hành:

- Phát hành riêng lẻ : 48.000đồng/cổ phiếu
- Cho cổ đông hiện hữu : 33.600đồng/cổ phiếu
- Cho cán bộ công nhân viên : 33.600đồng/cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá:

- Đối với nhà đầu tư bên ngoài (thông qua phát hành riêng lẻ):
Cơ sở tính giá được xác định theo giá giao dịch cổ phiếu BT6 bình quân từ ngày 01/03/2006 đến 31/05/2006 là 50.665đồng.
Do đó, Hội đồng quản trị thống nhất giá phát hành cho đối tác là: **48.000đồng/1 cổ phiếu.**
- Đối với cổ đông hiện hữu, cán bộ công nhân viên:
Giá phát hành cho cổ đông hiện hữu, cán bộ công nhân viên công ty bằng 70% giá phát hành cho đối tác: **33.600 đồng/1 cổ phiếu.**

6. Phương thức phân phối:

Phần 1: Phát hành cho các đối tác:

Chào bán riêng lẻ với số lượng **1.744.682 cổ phiếu** (tương đương 42% tổng số cổ phiếu phát hành thêm) và được thực hiện như sau:

- Phát hành cho các đối tác với giá phát hành 48.000đồng/1 cổ phiếu.

Tiêu chuẩn chọn lựa đối tác để phân phối:

- Những cổ đông lớn của công ty với tiềm lực tài chính mạnh.
- Các tổ chức đầu tư tài chính trung gian có lợi ích gắn bó với công ty.
- Nhà cung cấp nguyên vật liệu cho công ty.

Phần 2: Phát hành cùng lúc cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc điều hành công ty.

- Số lượng phát hành: **2.372.628 cổ phiếu** (tương đương 58% tổng số cổ phiếu phát hành thêm).
- Đối với cổ đông hiện hữu: phân phối theo tỷ lệ 3: 1, nghĩa là mỗi cổ đông sở hữu 03 cổ phiếu tại thời điểm chốt danh sách được quyền mua 01 cổ phiếu mới.
Danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm sẽ do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp dựa trên ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.
- Đối với cán bộ công nhân viên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc điều hành công ty: Trích 5% trên tổng số cổ phiếu phân phối cho cán bộ công nhân viên công ty (tương đương 20.586 cổ phiếu) cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc điều hành và được phân phối theo hệ số trách nhiệm: Hội đồng quản trị: hệ số 1; Ban kiểm soát, Ban giám đốc điều hành và thư ký Hội đồng quản trị hệ số 0.8.
Số cổ phiếu còn lại được phân phối cho cán bộ công nhân viên công ty theo năm công tác tính từ thời điểm cổ phần hóa cho đến nay.
- Giá phát hành: 33.600đồng/1 cổ phiếu.
- Hội đồng quản trị sẽ quyết định xử lý số lượng cổ phiếu không bán hết và số lượng cổ phiếu lẻ sau khi có kết quả phát hành. Cụ thể:

Đối với cổ đông hiện hữu, khi thực hiện quyền theo danh sách thực hiện quyền do TTGDCK cung cấp, mà phát sinh cổ phiếu lẻ sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh từ đợt phát hành sẽ được HĐQT quyết định bán tiếp cho các đối tác được phân phối ở Phần 1 với giá phát hành 48.000đồng/cổ phiếu. Danh sách những đối tác được phân phối tiếp số cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu không phân phối hết (phân phối cho cổ đông hiện hữu, cán bộ công nhân viên, HĐQT, BKS, và Ban giám đốc điều hành) sẽ do HĐQT chọn và quyết định.

Ví dụ: cổ đông A có 200 cổ phiếu, thì số lượng cổ phiếu được thực hiện là 66.66 cổ phiếu. Nhưng vậy, cổ đông A chỉ được mua 66 cổ phiếu.

7. Thời gian phân phối:

Dự kiến sẽ thực hiện trong vòng 02 tháng kể từ khi có Giấy chứng nhận đăng ký phát hành của UBCKNN.

Cụ thể, thời gian phân phối dự kiến như sau (chỉ tính theo ngày làm việc):

- Công ty nhận giấy phép của UBCKNN: ngày T
- Công bố trên bản tin Thị trường chứng khoán và đăng báo địa phương hoặc Trung ương theo quy định T+3
- Thời gian tiến hành như sau:

Đối tác riêng lẻ:

- Ký biên bản cam kết với đối tác. Đối tác thực hiện nộp (15%-50%) tiền cọc vào tài khoản phong tỏa BIDV Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa theo giá phân phối cho đối tác là 48.000 đồng/CP: từ ngày T+1 đến ngày T+10
- Nộp tiếp tiền mua cổ phiếu phát hành thêm: Từ ngày T+19 đến ngày T+34

Cổ đông hiện hữu:

- Chốt danh sách ngày đăng ký cuối cùng: ngày T+11
- Trung tâm lưu ký thông báo đến các thành viên lưu ký: ngày T+18
- Thời gian chuyển nhượng quyền: từ ngày T+19 đến ngày T+33
- Thời gian đăng ký và đóng tiền tại các công ty chứng khoán lưu ký đối với cổ đông đã lưu ký, nộp tiền tại Công ty đối với cổ đông chưa lưu ký: từ ngày T+19 đến ngày T+35
- Trung tâm lưu ký chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa: ngày T+38

Cán bộ CNV, HĐQT, BKS, BGDĐH:

- Thời gian chuyển nhượng quyền: từ ngày T+19 đến ngày T+33
- Thời gian đăng ký và đóng tiền tại Công ty: từ ngày T+19 đến ngày T+35
- Công ty nộp tiền vào tài khoản phong tỏa: ngày T + 38

Xử lý số cổ phiếu lẻ (làm tròn xuống đến hàng đơn vị) và cổ đông hiện hữu không thực hiện hết quyền mua:

- Phân phối cho các đối tác theo giá 48.000 đồng/cp từ ngày T+39 đến ngày T+40
- Báo cáo kết quả đợt phát hành và đăng ký giao dịch từ ngày T+41

8. Đăng ký mua cổ phiếu:

Việc đăng ký mua cổ phiếu mới được dự kiến thực hiện trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày TTGDCK phân bổ quyền mua đến các thành viên lưu ký. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

Cổ đông đăng ký mua và nộp tiền tại thành viên lưu ký nơi mở tài khoản (đối với cổ đông đã lưu ký).

Những cổ đông chưa lưu ký được thực hiện tại công ty.

9. Phương thức thực hiện quyền:

Điều kiện được hưởng quyền mua cổ phiếu mới theo danh sách sở hữu cuối cùng: những cổ đông có tên trong danh sách sở hữu 03 cổ phiếu cũ sẽ được mua 01 cổ phiếu mới. Những cổ đông đã lưu ký cổ phiếu sẽ nhận được thông báo xác nhận quyền mua cổ phiếu mới tại công ty chứng khoán mà mình lưu ký. Đối với những cổ đông chưa lưu ký sẽ nhận được thông báo xác nhận quyền mua cổ phiếu mới tại văn phòng công ty.

Thời gian hiệu lực việc thực hiện quyền mua cổ phiếu mới và chuyển nhượng quyền mua trong vòng 15 ngày, trong khoảng thời gian này nếu những cổ đông nào không đủ khả năng để mua cổ phiếu mới mà mình được hưởng có thể chuyển nhượng quyền mua lại cho người khác (cổ đông khác) theo giá do hai bên thỏa thuận nhưng chỉ được chuyển nhượng một lần. Việc chuyển nhượng quyền mua này được thực hiện tại thành viên lưu ký nơi cổ đông lưu ký và tại công ty nếu cổ đông đó chưa lưu ký.

Những cổ đông nào không thể thực hiện hoặc không chuyển quyền cho người khác thì trong những trường hợp này quyền quyết định sẽ do HĐQT thực hiện: là phân phối tiếp cho các đối tác theo danh sách.

10. Tài khoản phong tỏa: Tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa - TP. Hồ Chí Minh.

11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Tỷ lệ cho phép nhà đầu tư nước ngoài tham gia mua cổ phiếu mới này được thực hiện theo những quy định pháp luật hiện hành về tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam (49%).

V. Mục đích phát hành:

Đợt phát hành thêm cổ phiếu này nhằm mục đích huy động vốn để tái cấu trúc tài chính công ty và đáp ứng như cầu vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

VI. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành:

Đầu tư tài sản cố định: Trong năm 2005 và 2006, công ty tham gia nhiều dự án lớn như Công trình Cầu Rạch Miễu, Cầu Phú Mỹ, Cầu Phú Cường, ..v.v... đã phát sinh nhu cầu trang bị máy móc thiết bị, phương tiện vận tải nhằm phục vụ cho các công trình. Việc tài trợ vốn cho nhu cầu đầu tư tài sản cố định và vốn lưu động mang tính cấp thiết, trong đó đầu tư mở rộng nhà xưởng tại Công ty dự kiến vào khoảng 10 tỷ đồng gồm các hạng mục như: Nhà xưởng gia công cốt thép; nhà xưởng của Xí nghiệp cơ khí; cần trục và các máy móc thiết bị khác. Việc đầu tư tại các dự án gồm: Cầu cầu 50-150 tấn (khoảng 3.2 tỷ đồng); xe bơm bê tông 100m³/giờ (khoảng 1.5 tỷ đồng); Trạm trộn bê tông 60-90m³/giờ (khoảng 5.5 tỷ đồng); và khuôn dầm, dàn phóng dầm Super T (khoảng 5 tỷ đồng). Do đó, trong tổng số tiền thu được từ đợt phát hành, công ty dự kiến bổ sung cho đầu tư mở rộng nhà xưởng, máy móc thiết bị (tài sản cố định) khoảng 25.2 tỷ đồng.

Tài trợ vốn lưu động: trong năm 2005, Công ty đã thực hiện doanh thu đạt trên 400 tỷ đồng, và để có thể đạt được mức doanh thu trên 500 tỷ đồng trong năm 2006, theo ước tính, nhu cầu vốn lưu động vào khoảng 32 tỷ đồng. Do đó, trong tổng số tiền thu được từ đợt phát hành, công ty dự kiến bổ sung vốn lưu động khoảng 32 tỷ đồng.

Tham gia góp vốn vào hai Dự án BOT cầu Phú Cường và Dự án BOT cầu Phú Mỹ: Đối với hai dự án này, ngoài việc công ty tham gia góp vốn, công ty còn tham gia thi công một số hạng mục của dự án. Dự kiến công ty sẽ tham gia khoảng 15 tỷ đồng vào hai dự án nêu trên từ số tiền thu được từ đợt phát hành.

Tái cấu trúc vốn:

- Trong 05 năm qua kể từ khi cổ phần hóa (năm 2000), công ty vẫn duy trì mức vốn điều lệ là 58.8 tỷ đồng, trong khi các hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh không ngừng được mở rộng liên tục. Từ đó, phát sinh gia tăng nhu cầu vay thương mại từ mức 39.3 tỷ đồng năm 2001 lên 124.6 tỷ đồng vào cuối năm 2005.
- Tỷ lệ nợ vay/vốn chủ sở hữu đã tăng từ 0.55 lần (năm 2001) lên 1.16 lần (năm 2005), cho thấy, việc tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của công ty chủ yếu từ nguồn vay thương mại, từ đó, sẽ phát sinh thêm rủi ro về lãi suất (luôn biến động và theo chiều hướng tăng) cũng như khả năng thanh toán của công ty. Do đó, việc tăng tỷ lệ vốn cổ phần trong cơ cấu nguồn vốn của công ty sẽ đảm bảo cân đối nguồn vốn, giảm thiểu rủi ro và tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của công ty trong thời gian tới. Trong bối cảnh khả năng mở rộng tín dụng ngân hàng của công ty đang khá thấp do tỷ số nợ trên tài sản và tỷ số nợ trên vốn chủ sở hữu cũng như dư nợ ngân hàng hiện tại khá cao nên giải pháp làm giảm áp lực vốn lưu động bằng cách phát hành cổ phiếu mới là phù hợp với điều kiện công ty.

Cụ thể như sau:

STT	NỘI DUNG	DỰ KIẾN SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Cần cầu 50 – 150 tấn	3.2 tỷ đồng	
2	Xe bơm bê tông 100m ³ /giờ	1.5 tỷ đồng	
3	Trạm trộn bê tông 60 – 90m ³ /giờ	5.5 tỷ đồng	
4	Khuôn đầm, dàn phóng đầm Super T	5 tỷ đồng	
5	Nhà xưởng gia công cốt thép, nhà xưởng xí nghiệp cơ khí, cần trục và một số máy móc thiết bị khác	10 tỷ đồng	
6	Tài trợ vốn lưu động	32 tỷ đồng	
7	Tham gia góp vốn dự BOT cầu Phú Cường, dự án BOT cầu Phú Mỹ	15 tỷ đồng	
8	Tái cấu trúc vốn công ty	40 tỷ đồng – 70 tỷ đồng	
Tổng cộng		Khoảng 112.2 tỷ đến 142.2 tỷ	

VII. Các đối tác liên quan đến đợt phát hành

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A & C):

Trụ sở chính: 229 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.8272295

Fax: 08.8272300

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất (FSC)

Trụ sở : 09 Hoàng văn Thụ, Khu Chánh Nghĩa, Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại : 0650.832614~15 Fax : 0650.832616

Chi nhánh tại TP.HCM:

Địa chỉ : 208 D-E Hùng Vương, P.15, Q. 05, TP.HCM

Điện thoại : 08.9554938~39, 9554941 Fax: 08.9554940

E-mail : ctydenhat@hcm.vnn.vn Http: //www.fsc.com.vn

Giấy phép thành lập số 0249/GP-UB do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/10/1999.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 060250 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/12/1999.

Giấy phép hoạt động do UBCKNN cấp ngày 08/04/2000.

VIII. Các nhân tố rủi ro:

1. Rủi ro phát hành:

Đợt phát hành được xem là không thành công và phải hủy bỏ trong trường hợp số lượng chứng khoán thực tế phát hành chỉ đạt dưới 80% tổng số lượng chứng khoán được phép phát hành. Nhằm để đảm bảo cho đợt phát hành thành công, công ty đã thăm dò, khảo sát nhu cầu đầu tư của không chỉ các đối tác bên ngoài mà còn của cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên công ty. Tuy nhiên, nhu cầu tham gia mua cổ phiếu phát hành thêm của nhà đầu tư chưa thể hiện bằng văn bản, cho nên, đợt phát hành thêm cổ phiếu của Công ty có yếu tố rủi ro phát hành một khi một số thỏa thuận không được thực hiện..

2. Rủi ro về kinh tế:

Với tốc độ phát triển kinh tế Việt Nam hiện nay vào khoảng 7.5% đến 8.5% hàng năm, nhu cầu đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng hàng năm nhằm đáp ứng cho nhu cầu mở rộng, phát triển kinh tế là không thể thiếu. Tuy nhiên, việc mở rộng, nâng cấp cầu, đường giao thông tại các địa phương sẽ thu hút thêm nhiều doanh nghiệp xây dựng, giao thông tham gia, sẽ tạo ra tính cạnh tranh cao trong lĩnh vực này.

Ngoài ra, việc thay đổi quy hoạch vùng, thay đổi quy hoạch khu vực phát triển công nghiệp, đô thị sẽ tác động không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty hiện tại cũng như chiến lược đầu tư, đổi mới công nghệ, thiết bị kỹ thuật trong thời gian tới.

3. Rủi ro về hệ thống pháp lý:

Những thay đổi các quy định pháp lý có liên quan đến lĩnh vực xây dựng, giao thông và cải cách hệ thống luật pháp để gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO) cho phù hợp với thông lệ quốc tế sẽ tác động không nhỏ đến các hoạt động đầu tư, thi công, xây lắp của các doanh nghiệp trong ngành, trong đó có công ty.

4. Rủi ro liên quan đến biến động giá cổ phiếu niêm yết:

Giá cổ phiếu niêm yết biến động theo cung cầu thị trường, một khi có sự gia tăng lượng cung hàng hóa (cổ phiếu) sẽ tác động đến cán cân cung cầu giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán nói chung cũng như đối với cổ phiếu của Công ty nói riêng. Ngoài ra, sự biến động giá cả giao dịch các loại chứng khoán còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố vĩ mô (những quy định có liên quan về chứng khoán và thị trường chứng khoán, ..v..v.....) cũng như các yếu tố nội tại (vĩ mô) của các bên tham gia thị trường sẽ làm cho cổ phiếu có thể giảm giá.

5. Rủi ro về lãi suất:

Trong thời gian qua, nguồn vốn đáp ứng cho nhu cầu của các dự án có sự tham gia của công ty chủ yếu được tài trợ từ nguồn vay thương mại từ các ngân hàng. Từ đó, một sự biến động về lãi suất trên thị trường sẽ tác động đến chi phí sử dụng vốn của công ty, làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của công ty. Tuy nhiên, do có được mối quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng, độ tín nhiệm của công ty được đảm bảo và nhu cầu vay dài hạn, nên chi phí sử dụng vốn vay bình quân của công ty ở mức độ vừa phải so với thị trường, sẽ giảm thiểu được rủi ro do sự biến động tăng lãi suất từ các ngân hàng thương mại.

6. Rủi ro về biến động giá cả vật tư:

Riêng đối với những sản phẩm bê tông của công ty, một khi có sự biến động giá nguyên vật liệu đầu vào (tỷ trọng nguyên vật liệu chiếm khoảng từ 70% đến 80% giá thành sản phẩm), sẽ tác động rất lớn đến giá thành sản phẩm của công ty, từ đó ảnh hưởng đến việc thực hiện các dự án.

Sự biến động giá cả vật tư (sắt, thép, xi măng, cát, đá, phụ liệu khác,) diễn biến theo chu kỳ trong năm và thường biến động vào những tháng cuối năm. Tuy nhiên, một khi có sự biến động giá cả của những mặt hàng như: điện, xăng, dầu trong một thời điểm nhất định trong năm sẽ kéo theo sự biến động tức thì của các loại vật tư dùng trong xây dựng.

Do đó, việc chủ động được nguồn nguyên liệu, ổn định trong cung cấp nguyên liệu, vật tư sẽ giảm thiểu được các rủi ro liên quan đến biến động giá cả vật tư, từ đó, tạo ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

IX. Phụ lục:

- 1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu và Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành.**

**CHỦ TỊCH HĐQT
KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC**

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN HÙNG

DIỆP VĨNH BÌNH

HUYỀN THỊ THANH HÀ